

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ IPA PARTNER
QUỸ ETF IPAAM VN100
IPA PARTNER INVESTMENT FUND
MANAGEMENT LIMITED COMPANY
IPAAM VN100 ETF FUND
Số/No.: 147 /2026/CV-IPA PARTNER**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026
Hanoi, 24 April 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư IPA Partner
Fund Management Company name: IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
- Tên quỹ/ *Fund name:* Quỹ ETF IPAAM VN100/*ETF IPAAM VN100 Fund*
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol:* FUEIP100
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone:* (84-24) 7305 6188
- Email: support@ipa.com.vn Website: <https://ipaam.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure:*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner (IPA PARTNER) công bố thông tin Biên bản kiểm phiếu Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 (mã chứng khoán: FUEIP100). Nội dung chi tiết tại tài liệu đính kèm.
IPA Partner Investment Fund Management Limited Company (IPA PARTNER) discloses the Vote Counting Minutes and Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Investors in the form of written consultation of the IPAAM VN100 ETF Fund (Security Symbol: FUEIP100). Details are included in the attached document.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của IPA PARTNER vào ngày 24/04/2026 tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>
This information was disclosed on IPAAM's Portal on date 24/04/2026 Available at: https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.



Tài liệu đính kèm:

- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản
Minutes of Voting Checking Results of Investors' Written Opinions
- Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026
Resolution of Annual General Investors' Meeting in 2026

Nơi nhận/ Reciept:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu HC/ *Keep Dossiers.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
IPA PARTNER
REPRESENTATIVE OF IPA PARTNER INVESTMENT
FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY**

**Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information**



**Kế toán trưởng/ Chief Accountant
Nguyễn Thị Thúy Lan**



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN
QUỸ ETF IPAAM VN100

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 04/03/2008

Địa chỉ trụ sở: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Hôm nay vào lúc 13h00 ngày 24/04/2026 tại Trụ sở Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner (IPA PARTNER), Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. Bà Phạm Minh Hương | Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám đốc, đại diện IPA PARTNER – Trưởng Ban kiểm phiếu |
| 2. Ông Võ Trí Thanh | Trưởng Trung Tâm Dịch vụ Khách hàng, Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Trụ Sở chính – Người giám sát kiểm phiếu |
| 3. Bà Đỗ Thúy Hằng | Chuyên viên Lưu ký giám sát, Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Trụ Sở chính – Người giám sát kiểm phiếu |
| 4. Bà Mai Kim Oanh | Cán bộ quản trị quỹ IPA PARTNER – Cán bộ kiểm phiếu |

Đã tiến hành kiểm phiếu các Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư đối với các vấn đề xin ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản thông qua nghị quyết ĐHNĐT thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 với kết quả như sau:

I. Thông tin Quỹ

- Tên Quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán: FUEIP100

- Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: 37/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/9/2021

II. Mục đích và vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản

Việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản được tổ chức để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Các nội dung lấy ý kiến bao gồm:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2025 và chiến lược đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 6: Thông qua chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 8: Thông qua việc thay đổi tên Quỹ theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 9: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung 10: Bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAMVN100 nhiệm kỳ 2026-2031.

III. Kết quả kiểm phiếu:

1. Tỷ lệ nhà đầu tư tham gia biểu quyết bằng văn bản:

Số nhà đầu tư đã tham gia biểu quyết là 2 nhà đầu tư (biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết bằng thư/email), đại diện cho 4,587,900 chứng chỉ quỹ quỹ đang lưu hành, tương ứng với tỷ lệ 91.76% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ ETF IPAAM VN100. Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 4,587,900 phiếu,
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu

2. Kết quả ý kiến biểu quyết của các nhà đầu tư đối với các nội dung xin ý kiến tại Mục II:

2.1. Kết quả biểu quyết các vấn đề được xin ý kiến ĐHNĐT

1 đơn vị quỹ = 1 phiếu biểu quyết

NỘI DUNG	TÁN THÀNH		KHÔNG TÁN THÀNH		KHÔNG CÓ Ý KIẾN	
	Số lượng phiếu biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng phiếu có quyền biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Nội dung 1	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 2	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 3	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 4	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 5	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 6	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 7	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 8	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%
Nội dung 9	4,587,900	91.76%	0	0.00%	0	0.00%

2.2. Kết quả bầu Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2026 – 2031

Đại hội Nhà Đầu tư đã bầu Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2026 – 2031 với kết quả như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)	Tổng số phiếu bầu
1	Vũ Thị Thu	Chủ tịch	4,587,900
2	Lê Thị Hoài	Thành viên	4,587,900
3	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên	4,587,900

IV. Các quyết định được Đại hội nhà đầu tư thông qua

Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 25 Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 và căn cứ kết quả kiểm phiếu, Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã thông qua toàn bộ các nội dung được xin ý kiến, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100

Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và chiến lược đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

5. **Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025**
Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
6. **Thông qua chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026**
Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
7. **Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100**
Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
8. **Thông qua việc thay đổi tên Quỹ**
Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
9. **Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100**
Quyết định này được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 91.76% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
10. **Bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2026-2031**
ĐHNĐT đã bầu Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2026 – 2031 với kết quả như sau:

STT	Họ và tên	Số CCCD	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)
1	Vũ Thị Thư	034193007359	Chủ tịch
2	Lê Thị Hoài	001191010983	Thành viên
3	Hoàng Thị Minh Phương	025195014472	Thành viên

Cuộc kiểm phiếu kết thúc vào hồi 14h00 ngày 24/04/2026. Biên bản kiểm phiếu này được lập thành 03 (ba) bản và sẽ được công bố trên trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

NGƯỜI GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

Đại diện Ngân hàng giám sát

Vũ Trí Thành

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Đại diện Công ty quản lý quỹ

Chủ tịch Công ty



PHẠM MINH HƯƠNG

CÁN BỘ KIỂM PHIẾU

A blue handwritten signature.

Mai Kim Canh



**PHỤ LỤC: NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO/TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU
TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100**

*(Đính kèm Biên bản kiểm phiếu biểu quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ
ETF IPAAM VN100 ngày 24/04/2026)*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
QUỸ ETF IPAAM VN100

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày 24 tháng 4 năm 2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

Đại hội Nhà đầu tư (ĐHNDT) thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và chiến lược đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT thông qua Báo cáo về kết quả năm 2025 và kế hoạch đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

DHNDT thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025. Lợi nhuận năm 2025 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

Điều 6. Thông qua Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 trong năm 2026.

Điều 8. Thông qua việc thay đổi tên Quỹ

DHNDT đã thông qua việc thay đổi tên Quỹ từ Quỹ ETF IPAAM VN100 thành Quỹ ETF IPA PARTNER VN100 theo các nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 10. Bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAMVN100 nhiệm kỳ 2026-2031

DHNDT đã bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2026-2031 với kết quả như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)
1	Vũ Thị Thu	Chủ tịch
2	Lê Thị Hoài	Thành viên
3	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên

Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER và Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- UBCK,
- NHGS;
- Lưu.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ-IPA PARTNER



CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương

TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Ph
Thị Thị Thị

**PHỤ LỤC 1: CÁC BÁO CÁO ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM
2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

**PHỤ LỤC 2: NỘI DUNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐÃ ĐƯỢC
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100
THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026:
 - + Dự kiến Ngân sách Ban đại diện quỹ năm 2026 là: 108.000.000 đồng.
 - + Tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho thành viên Ban Đại diện quỹ trong năm 2026 (và trong thời gian đến khi họp Đại hội Nhà đầu tư của năm tiếp theo) như sau: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên Ban đại diện quỹ là 3.000.000 đồng/người/tháng. Thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ được chi trả căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG THAY ĐỔI TÊN QUỸ ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày 24/04/2026)

Đại hội nhà đầu tư thông qua việc thay đổi tên Quỹ ETF IPAAM VN100 như sau:

1. Thay đổi tên Quỹ

Tên Quỹ trước khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt: QUỸ ETF IPAAM VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh: IPAAM VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ: IPAAM VN100

Tên Quỹ sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt sau khi thay đổi: QUỸ ETF IPA PARTNER VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100

2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ để cập nhật tên mới của quỹ và sửa đổi tương ứng các nội dung dẫn chiếu có liên quan trong toàn bộ Điều lệ Quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Sửa đổi tên Quỹ tại phần mở đầu, các điều khoản, phụ lục và các nội dung khác có liên quan trong Điều lệ Quỹ từ “Quỹ ETF IPAAM VN100” thành “Quỹ ETF IPA PARTNER VN100”;
- Điều chỉnh các nội dung dẫn chiếu, thuật ngữ, hình thức trình bày, bố cục, đánh số điều khoản, phụ lục và các nội dung kỹ thuật khác trong Điều lệ Quỹ nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác và phù hợp với việc thay đổi tên Quỹ;
- Các sửa đổi, bổ sung khác trong Điều lệ Quỹ có tính chất kỹ thuật, phát sinh trực tiếp từ việc thay đổi tên Quỹ theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

3. ĐHNĐT giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc/và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư IPA PARTNER thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện việc thay đổi tên Quỹ tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Ký, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, nộp và nhận các hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến việc thay đổi tên Quỹ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sớ giao dịch chứng khoán, ngân hàng giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- c. Hoàn thiện, cập nhật và ban hành Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung sau khi hoàn tất các thủ tục thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật;
- d. Tổ chức cập nhật Bản cáo bạch, tài liệu công bố thông tin, biểu mẫu, hồ sơ đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và các tài liệu khác có liên quan của Quỹ để bảo đảm thống nhất với tên Quỹ mới và Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- e. Quyết định và hoàn thiện các nội dung điều chỉnh về mặt kỹ thuật, hình thức, cấu chữ, bố cục, dẫn chiếu trong Điều lệ Quỹ và các tài liệu liên quan, với điều kiện không làm thay đổi nội dung, nguyên tắc và phạm vi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- f. Thực hiện các công việc khác cần thiết hoặc có liên quan để hoàn tất việc thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành.

**PHỤ LỤC 4: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ
ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER

ĐIỀU LỆ QUỸ ETF IPAAM VN100

Tháng 04/2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	11
<i>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ Quỹ ETF chào bán.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....</i>	<i>12</i>
Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	13
<i>Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 9. Chiến lược đầu tư.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 10. Hạn chế đầu tư.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 11. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....</i>	<i>16</i>
Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF.....	16
<i>Điều 13. Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF.....</i>	<i>26</i>
<i>Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại.....</i>	<i>27</i>
<i>Điều 20. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại.....</i>	<i>29</i>
<i>Điều 21. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.....</i>	<i>29</i>
<i>Điều 22. Chuyển nhượng phí thương mại.....</i>	<i>30</i>
Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	30
<i>Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>30</i>
<i>Điều 24. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường.....</i>	<i>31</i>
<i>Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>32</i>
<i>Điều 26. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>33</i>
Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	33

<i>Điều 27. Ban Đại Diện Quý</i>	33
<i>Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quý</i>	34
<i>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quý</i>	35
<i>Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý</i>	35
<i>Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý</i>	36
<i>Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quý</i>	36
<i>Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý</i>	37
<i>Điều 34. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý</i>	37
Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	37
<i>Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	37
<i>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	38
<i>Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	39
<i>Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	40
Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	41
<i>Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát</i>	41
<i>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát</i>	42
<i>Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát</i>	43
<i>Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát</i>	44
Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	45
<i>Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền</i>	45
<i>Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</i>	45
<i>Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</i>	46
<i>Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền</i>	47
<i>Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền</i>	48
Chương IX: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG	48
<i>Điều 48. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ</i>	49
<i>Điều 49. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ</i>	49
<i>Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường</i>	50
Chương X: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	51
<i>Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ</i>	51
<i>Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối</i>	51
<i>Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ</i>	52
Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	53

<i>Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán.....</i>	<i>53</i>
<i>Điều 55. Năm Tài Chính.....</i>	<i>53</i>
<i>Điều 56. Chế độ kế toán.....</i>	<i>53</i>
Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	54
<i>Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.....</i>	<i>54</i>
<i>Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ.....</i>	<i>56</i>
Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	57
<i>Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả.....</i>	<i>57</i>
<i>Điều 62. Thu nhập của Quỹ.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 64. Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....</i>	<i>61</i>
Chương XIV: TÀI CƠ CẤU, GIẢI THẾ QUỸ.....	62
<i>Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....</i>	<i>62</i>
<i>Điều 66. Giải thế Quỹ.....</i>	<i>64</i>
Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	66
<i>Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.....</i>	<i>67</i>
Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	67
<i>Điều 68. Công bố thông tin.....</i>	<i>67</i>
<i>Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....</i>	<i>68</i>
<i>Điều 70. Đăng ký Điều Lệ.....</i>	<i>68</i>
<i>Điều 71. Điều khoản thi hành.....</i>	<i>68</i>
PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	69
PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	71
PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	72

ĐIỀU LỆ QUỸ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026;
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024;
11. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
13. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;

14. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ Hoán Đổi Danh Mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF IPAAM VN100, một loại hình Quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chi Quỹ. Chứng Chi Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
"Công Ty Quản Lý Quỹ" hoặc "Công Ty Quản Lý Quỹ IPA PARTNER"	Là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được ủy thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHDLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (1) Bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (2) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là Công Ty Kiểm Toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công Ty Kiểm Toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công Ty Kiểm Toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư (hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo ủy quyền của Đại Hội

Nhà Đầu Tư) quyết định hàng năm theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

- “Điều Lệ Quỹ” Bao gồm Điều Lệ Quỹ và các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
- “Bản Cáo Bạch” Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
- “Hợp Đồng Giám Sát” Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
- “Nhà Đầu Tư” Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
- “Đại Hội Nhà Đầu Tư” Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
- “Ban Đại Diện Quỹ” Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
- “Vốn Điều Lệ” Là Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
- “Chứng Chỉ Quỹ”/ “Chứng Chỉ Quỹ ETF” Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
- “Lô Chứng Chỉ Quỹ”/ “Lô ETF” Một lô chứng chỉ Quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Cổ Tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ/NAV”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV)”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	Là Ngày Định Giá mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ

Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.

- “Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh” Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- “Thành Viên Lập Quỹ”/ “AP” Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- “Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường” Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
- “Đại Lý Phân Phối” Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
- “Đại Lý Chuyển Nhượng” Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- “Chỉ Số Tham Chiếu” Là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (1) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (2) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE.

“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chi Số Tham Chiếu.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chi Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
“Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”/ “VSDC”	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
“Sở Giao Dịch Chứng Khoán”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
“HOSE”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“HNX”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Tên viết tắt: IPAAM VN100
- Tên tiếng anh: IPAAM VN100 ETF
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
+ Điện thoại: 024 73056188 Fax:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy Chứng Chi Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng Chi Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ Quỹ ETF chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam), tương ứng với năm mươi (50) Lô Chứng Chi Quỹ.
2. Mệnh giá của mỗi Chứng Chi Quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.
3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô Chứng Chi Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua các Lô Chứng Chi Quỹ theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) Lô Chứng Chi Quỹ.
4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện bằng Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 điều này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và số lượng các Lô Chứng Chi Quỹ phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở Chỉ Số Tham Chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
5. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá phát hành của Lô Chứng Chi Quỹ; và

- b) Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- c) Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ là Nhà Đầu Tư nước ngoài nên không thể mua chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn.
- d) Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang Quỹ)

Hình thức thanh toán, cách thức góp vốn bằng tiền nêu trên của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

- 6. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

- Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008
- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 73056188 Fax:

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 17 ngày 02/01/2024.
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do VSD cấp ngày 07/07/2006.
- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 39343 137 Fax: 024 38265 548

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục đích bảo vệ lợi ích Nhà Đầu Tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.
3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF
 - a) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu) và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của pháp luật.
 - b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- vi. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục i, ii Điểm b Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9, Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.
2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục i và ii Điểm b Khoản 3 Điều 9, Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục i, ii, iv, v Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó
 - e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- f) Không được đầu tư vào bất động sản;
 - g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm a, b, c và e Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau đây:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi
 - f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.

Điều 11. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

1. Quỹ đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
2. Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
3. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải

được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ, giao dịch Chứng Chi Quỹ mà Công Ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
 - b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chi Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chi Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chi Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chi Quỹ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.
2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chi Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

- b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
- Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
- c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ;
2. Sở hữu tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Chứng Khoán Cơ Cấu;
3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
4. Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;
 - b) Tổng số chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ: họ tên, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.
 - d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch và cho Thành Viên Lập Quỹ;

- b) Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
- c) Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Số Lệnh:
- i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi").
 - ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
 - iii. Thời Điểm Đóng Số Lệnh: 14h40' của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi
- d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối;
- e) Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:
- i. Chứng Khoán Cơ Cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - ii. Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi thuộc loại tự do chuyển nhượng;
 - iii. Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi được lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.

- Đối với Nhà Đầu Tư:
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi
 - f) Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành Viên Lập Quỹ và của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
 - i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
 - ii. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải xác nhận lại với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ xác nhận lại với Nhà Đầu Tư. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản Cáo Bạch;
 - g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:
 - i. Được thành viên lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện tại ngày giao dịch hoán đổi kế tiếp hoặc bị hủy bỏ, tùy theo yêu cầu của nhà đầu tư và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - ii. Được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát bảo đảm thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ Quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ Quỹ ETF, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF còn lại của thành viên lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - h) Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ ETF tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc chuyển khoản Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 - i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch
2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:
- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký

và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;

- b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ;

Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và của Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và tại hợp đồng lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sau đó chuyển lệnh tới Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- c) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.

- d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

- e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra (thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:
 - a) Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF mở tại Ngân Hàng Giám Sát theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
 - b) Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- e) Trường hợp trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có những mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư

chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà Đầu Tư nước ngoài không thể mua Chứng Khoán Cơ Cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

- d) Trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định tại Bản Cáo Bạch.
4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, mà Quỹ ETF không đủ số lượng chứng khoán của một (01) mã Chứng Khoán Cơ Cấu nào đó hoặc không sở hữu mã Chứng Khoán Cơ Cấu nào đó để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thì việc hoàn trả mã Chứng Khoán Cơ Cấu này sẽ được thực hiện như quy định tại Bản Cáo Bạch.
5. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi) hoặc dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó thì Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện:
- a) Trường hợp là Nhà Đầu Tư nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán cho Nhà Đầu Tư này bằng hình thức chuyển khoản;
- b) Trường hợp hoán chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành

bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó và thanh toán cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư này;

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thành lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký Quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế (nếu có), chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Nếu phát sinh cổ tức hoặc quyền mua trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện bán các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- i. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- ii. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thường thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- iii. Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
- iv. Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.
- v. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- i. Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán ở các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi.
- ii. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- iii. Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

- c) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều Lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do Sở Giao Dịch Chứng Khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Cơ cấu lại Danh Mục Đầu Tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.
7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi danh mục ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 8 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Số đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ
2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển đổi đại lý phân phối trước được thực hiện trước.
3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a) Do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày giao dịch hoán đổi do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.

Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại

1. Giá Dịch Vụ Phát Hành:

Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ:

- a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- b) Giá Dịch Vụ Phát Hành:
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

2. Giá Dịch Vụ Mua Lại:

- a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- b) Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).
- c) Giá Dịch Vụ Mua Lại
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc dưới các hình thức khác. Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

3. Việc điều chỉnh mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được thực hiện theo

thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.

4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Bản Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 20. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại

1. Giá Phát Hành: là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
2. Giá Mua Lại: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
Giá Mua Lại: bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.

Điều 21. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán

1. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo nguyên tắc sau:
 - a) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ ETF niêm yết;
 - c) Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký Quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ, bán Chứng Khoán Cơ Cấu trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu này bao gồm số Chứng Chỉ Quỹ, số Chứng Khoán Cơ Cấu đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ

tại ngày thực hiện giao dịch, sổ Chứng Chi Quỹ, sổ Chứng Khoán Cơ Cấu nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, sổ Chứng Chi Quỹ ETF có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 22. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế,...) Chứng Chi Quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành
2. Việc tặng cho, thừa kế Chứng Chi Quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế và/hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;
 - b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ
 - d) Phương án phân phối lợi tức;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính,

báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

- f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện họp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

Điều 24. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều Lệ này;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác)..
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
3. Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu Tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Trong trường

hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Điều 26. Phân đổi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phân đổi quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phân đổi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, Quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác

nếu có liên quan;

- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
 3. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
 4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
 6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản; và/hoặc pháp luật.
 - c) Không phải là thành viên của trên 05 Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Rộng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Mục (i) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này;
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
5. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
6. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp

Ban Đại Diện Quỹ;

- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
 - b) Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
 - c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức, Thành Viên Lập Quỹ.
- 2. Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà Đầu Tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Đại Diện Quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban Đại Diện Quỹ cho đến trước thời điểm đi đến Đại Hội Nhà Đầu Tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

- 1. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
- 2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu

Tư gần nhất.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước một (01) ngày trước ngày họp.
3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 34. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau:
 - a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều Lệ này;
 - b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
 - c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chi Quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ hoặc pháp luật;
 - d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chi Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ;
 - f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - h) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
 - i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
 - c) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
 - d) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ

với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

- e) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này;
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11, Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- g) Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
 - b) Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;
 - c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
- 4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều Lệ này) như sau:

- a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng hai phần trăm (2%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ;
- b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư

thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ tịch Công Ty, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều Lệ;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
 8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại;
3. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 02, Phụ Lục 03 của Điều Lệ này.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều 56 của Luật Chứng khoán;
 - b) Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ; ghi nhận chính xác, kịp thời tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của Quỹ; Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp các quỹ này sử dụng chung Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký), tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Giám sát để bảo đảm Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý Quỹ tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ;
 - d) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tài sản liên quan đến hoạt động của Quỹ theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - e) Xác nhận báo cáo liên quan đến Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của pháp luật;
 - f) Giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
 - g) Báo cáo UBCKNN khi phát hiện Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ;
 - h) Định kỳ cùng Công Ty Quản Lý Quỹ đối chiếu số kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động giao dịch của Quỹ;
 - i) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Giám Sát;
 - j) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật;
 - k) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - l) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
 - m) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;
 - n) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty

Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

- o) Hoạt động vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- p) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền:

- a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chi thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chi thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN.
- c) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát được ký giữa các bên.

Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ: kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - c) Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - d) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài

sản Quỹ;

- e) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - f) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ này.
 - g) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ
 5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chi thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Lưu ký Giám Sát.

Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư

cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 104 Luật Chứng Khoán;

- b) Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ chấp thuận;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

1. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
2. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
3. Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung
 - Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với dịch

vụ đó.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các công việc mà mình làm.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a) Đối với dịch vụ quản trị Quỹ:
 - i. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phân ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ;
 - iii. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chi Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
 - iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - i. Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ;
 - ii. Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;
 - iii. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ;
 - iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản

Lý Quỹ:

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc bất thường của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Điều 43 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - a) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản Cáo Bạch. Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
 - b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;
 - c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
 - d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật;
2. Trong hoạt động ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải có trách nhiệm:
 - a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
 - b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 99/2020/TT-BTC;
 - c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ và của Nhà Đầu Tư. Định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;
 - d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

- c) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình báo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;
- h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương IX: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 48. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Luôn nắm giữ số lượng Lô Chứng Chi Quỹ tối thiểu như đã cam kết với Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập Quỹ.

Điều 49. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;
 - b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của mình lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF và ngược lại;
 - c) Được vay Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF; hoặc vay các Lô Chứng Chi Quỹ ETF để hoán đổi lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng Chi Quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - d) Được thực hiện các giao dịch Chứng Chi Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều Lệ này và theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;

- b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch Chứng Chi Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Thành Viên Lập Quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư;
- c) Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký Quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
- d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chi thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;
- g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối.

Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường Quỹ ETF. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.
2. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chi Quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng Chi Quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch

và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

Chương X: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chi quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối chứng chi quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chi quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chi Quỹ cho Nhà Đầu Tư;
3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, Báo Cáo Tài Chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý

Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ

1. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với chứng chỉ Quỹ ETF khi:
 - a) Đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối
 - b) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực
 - c) Đại lý phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định;
2. Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ như Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:
 - a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ, địa điểm phân phối;
 - b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên lập Quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).
4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng.
5. Địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của đại lý phân phối;

- b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
 - c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định;
 - d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
6. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn.

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
3. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 55. Năm Tài Chính

Năm Tài Chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả

kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
2. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.
6. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định tại sổ tay định giá.

Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày Định Giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
2. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một lô Chứng Chi Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chi Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chi Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.
 - b) Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng

Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

- c) Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Đại Lý Phân Phối và Thành Viên Lập Quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện ngay trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày Giao Dịch Hoán Đổi tiếp theo.
- d) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - i. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - ii. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
 - iii. Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch chứng chỉ Quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ mà

Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 - a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF. Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ ETF là 0,6% NAV/năm.
 - b) Trường hợp tăng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trên mức 0,6%NAV/năm phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
 - c) Trường hợp điều chỉnh Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ (tăng, giảm) không quá mức 0,6%NAV/năm do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ mới với Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời cập nhật trong Bản Cáo Bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - d) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 - e) Giá Dịch Vụ Quản Lý cho kỳ định giá = "Tỷ lệ (%) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm".
 - f) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký
 - a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ

Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch.

Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- b) Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

- a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch

- b) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

- a) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

- b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và được nêu cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

- c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

5. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số
- Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch
 - Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm"].

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu.

- Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Rộng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE)
- Giá dịch vụ nêu tại khoản này được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Rộng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE), chi tiết trong Bản cáo bạch.
 - Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].
- Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tổng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF không quá 2% NAV của Quỹ/năm.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
- e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- g) Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định;
- i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:
 - a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các

tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;

- b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chi số tham chiếu;
 - d) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
 - f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
 - g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá trong kỳ đó chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong cùng kỳ.

Điều 64. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Nhà Đầu Tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà Đầu Tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ

- thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
 3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua;
 - c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.
 5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Báo cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Chương XIV: TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
 - a) Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - b) Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp

nhất, bị sáp nhập tới quỹ gần nhất;

- d) Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
3. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác
4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm:
 - a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
 - b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - c) Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
 - a) Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - b) Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - c) Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
 - d) Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của

pháp luật có liên quan.

6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
 - a) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - b) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).
8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
 - a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - b) Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - c) Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy

Điều 66. Giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - d) Quỹ hủy niêm yết;
 - e) Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ;

- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
 - a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
 3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
 - a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
 4. Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định một Công Ty Kiểm Toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
 5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua.
 6. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
 - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch

của Sở giao dịch chứng khoán;

- b) Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- a) Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - b) Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - c) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

- 8. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- 9. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- 10. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Điều Hành, thành viên Ban Kiểm Soát, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ

đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 70. Đăng ký Điều Lệ

1. Bản Điều Lệ này bao gồm 16 Chương, 71 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.
2. Điều Lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:
 - a) 01 bản đăng ký tại UBCKNN.
 - b) 02 bản lưu tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - c) 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 71. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy Đăng Ký Lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF IPAAM VN100:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí, giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

Đại Diện Công Ty Quản Lý Quỹ *th*



Phạm Minh Hương

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024 .

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát Danh Mục Đầu Tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chi Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

71



TRƯỜNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thành

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Đại diện có thẩm quyền của 
Công Ty Quản Lý Quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương

Đại diện có thẩm quyền của 
Ngân Hàng Giám Sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG TRUNG TÂM
Võ Trí Thanh

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

QUỸ ETF IPAAM VN100

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2025; Chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động năm 2026; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính Quỹ năm 2026; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; Bầu Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2026-2031

Kính trình: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (IPA PARTNER) kính trình Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 các nội dung như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100.

2. Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025. Lợi nhuận năm 2025 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

3. Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026:

- + Dự kiến Ngân sách Ban đại diện quỹ năm 2026 là: 108.000.000 đồng.
- + Tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho thành viên Ban Đại diện quỹ trong năm 2026 (và trong thời gian đến khi họp Đại hội Nhà đầu tư của năm tiếp theo) như sau: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên Ban đại diện quỹ là 3.000.000 đồng/người/tháng. Thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ được chi trả căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

Kính trình Đại hội nhà đầu tư thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2026.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc sửa đổi Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 nhằm cập nhật các quy định theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính, và sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác. Nội dung chi tiết xem tại Phụ lục của Tờ trình kèm theo.

6. Bầu ban đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2026-2031

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc bầu Ban Đại Diện quỹ ETF IPAAM VN100 như sau:

Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 gồm có 03 thành viên. Theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 và Luật Chứng khoán thì nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ là không quá 5 năm. Các thành viên Ban đại diện quỹ của Quỹ IPAAM VN100 hiện nay đã đủ thời hạn nhiệm kỳ 5 năm theo quy định.

Do vậy, tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư năm 2026 thì ĐHNĐT sẽ thực hiện bầu các thành viên Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ mới (2026-2031). Các thành viên Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ cũ sẽ kết thúc nhiệm kỳ sau khi ĐHNĐT bầu được các thành viên Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ mới.

Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ là 03 thành viên (trong đó có ít nhất 2 thành viên là thành viên độc lập).

Kính trình ĐHNĐT bầu ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2026-2031 trên danh sách ban đại diện quỹ đương nhiệm sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)
1	Vũ Thị Thư	Chủ tịch
2	Lê Thị Hoài	Thành viên
3	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên

Việc ứng cử/đề cử ứng viên làm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 và quy định pháp luật.

Thông tin về người được đề cử/ứng cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 được IPA PARTNER công bố trên trang thông tin điện tử của IPA PARTNER tại đường link: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, NIKKS;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER



CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương



CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ ETF IPAAM VN100

STT	Khoản mục	Nội dung tại Điều lệ quỹ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ quỹ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	<p>2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>....</p> <p>9. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p>	<p>2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024</u> (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</u>;</p> <p>4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026</u>;</p> <p>5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</u>;</p> <p>6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025</u>;</p> <p>.....</p>	<p>Cập nhật các văn bản mới</p>



	<p>10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</p> <p>11. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam;</p> <p>12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>13. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</p> <p>14. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;</p> <p>15. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<p>9. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; <u>Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</u></p> <p>10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024;</u></p> <p>11. <u>Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam;</u> <u>Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;</u></p> <p>12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p><u>Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</u></p>	
--	---	---	--

			<p>13. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục</p> <p>14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan khác.</p>	
2	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	<p>“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A”: Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A được uỷ thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.</p>	<p>“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A”: Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được uỷ thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.</p>	Sửa tên công ty quản lý quỹ do đổi tên
3		<p>“Đại Hội Nhà Đầu Tư”: Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.</p>	<p>Đại Hội Nhà Đầu Tư”: Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.</p>	Bỏ cụm “thường kỳ hoặc bất thường” do Thông tư 136 cho phép Công ty Quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt

4		<p>“Đại Lý Phân Phối”: Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ phân phối chứng chỉ Quỹ đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.</p>	<p>“Đại Lý Phân Phối”: Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ <u>phân phối chứng chỉ Quỹ</u> <u>môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng</u>, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi để làm rõ định nghĩa về Đại lý phân phối phù hợp với Thông tư 98</p>
5	<p>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ</p>	<p>....</p> <p>- Địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A</p> <p>+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>+ Điện thoại: 024 39410 510</p> <p>Fax: 024 39410 500</p>	<p>....</p> <p>- Địa chỉ liên hệ: <u>Công Ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER</u></p> <p>+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>+ Điện thoại: <u>024-39410-510 024 73056188</u></p> <p>Fax: <u>024-39410-500</u></p>	<p>Cập nhật tên công ty, số điện thoại mới và địa giới hành chính mới</p>
6	<p>Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ</p>	<p>- Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A</p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008</p> <p>- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: 024 39410 510</p> <p>Fax: 024 39410 500</p>	<p>- Công Ty Quản Lý Quỹ: <u>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER</u></p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008</p> <p>- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: <u>024-39410-510 024 73056188</u></p> <p>Fax: <u>024-39410-500</u></p>	<p>Cập nhật tên công ty theo tên mới, số điện thoại mới và địa giới hành chính mới</p>
7	<p>Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát</p>	<p>...</p> <p>- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành</p>	<p>....</p> <p>- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố</p>	<p>Cập nhật thay đổi giấy phép của Ngân</p>

		<p>Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019.</p> <p>....</p> <p>- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p>	<p>Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 <u>17 ngày 02/01/2024.</u></p> <p>....</p> <p>- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p>	<p>hàng giám sát và địa chỉ theo địa giới hành chính mới</p>
8	Điều 9. Chiến lược đầu tư	<p>....</p> <p>3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF</p> <p>....</p> <p>b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p>	<p>....</p> <p>3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF</p> <p>....</p> <p>b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, <u>cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</u></p>	<p>Điều 17.2 Thông tư 136/2025/TT-BTC</p>
9	Điều 10. Hạn chế đầu tư	<p>....</p> <p>2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:</p> <p>.....</p> <p>c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ</p>	<p>....</p> <p>2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:</p> <p>.....</p> <p>c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào <u>chứng khoán được các tài sản quy định tại Mục i, ii, iv, v Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này</u>, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần,</p>	<p>Bổ sung để làm rõ phạm vi đầu tư phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

		<p>phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>....</p> <p>f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p>	<p>phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>....</p> <p>f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p>	Sửa theo Điều 22 Thông tư 136/2025/TT-BTC
10	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	<p>.....</p> <p>4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. ...</p>	<p>.....</p> <p>4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc <u>định danh cá nhân</u> hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. ...</p>	Sửa đổi do Giấy chứng minh nhân dân không còn giá trị theo quy định của pháp luật
11	Điều 16. Số đăng ký Nhà Đầu Tư	<p>...</p> <p>2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:</p> <p>.....</p> <p>c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ; họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc</p>	<p>...</p> <p>2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:</p> <p>.....</p> <p>c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ; họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá</p>	Sửa đổi do Giấy chứng minh nhân dân không còn giá trị theo quy định của pháp luật

		<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.</p>	<p>nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.</p>	
12	<p>Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại</p>	<p>1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</p> <p>i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).</p> <p>ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chính sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần</p>	<p>1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</p> <p>i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào các Ngày-Làm-Việc từ thứ hai đến thứ sáu ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).</p> <p>ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chính sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất</p>	<p>Bổ sung để làm rõ thời gian giao dịch</p> <p>Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà</p>

	<p>suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng</p>	<p>giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p>	<p>đầu tư linh hoạt</p>
<p>13</p>	<p>2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:</p> <p>a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;</p> <p>b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ</p>	<p>2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:</p> <p>a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;</p> <p>b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ</p>	<p>Điều 21 Thông tư 136/2025/TT-BTC và cập nhật theo tình hình thực tế</p>

thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) hoặc tới Ngân Hàng Giám Sát;

....

c) Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

d) Trong hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát,

thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) hoặc tới Ngân Hàng Giám Sát;

.....

c) Trong vòng thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.

d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo



		<p>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</p>	<p><u>quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</u></p> <p>Trong hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</p>	
14		<p>3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:</p> <p>.....</p> <p>b. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ thanh toán bằng tiền vào các tài khoản của</p>	<p>3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:</p> <p>....</p> <p>b. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, <u>Ngân Hàng Giám Sát hoán trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ thanh toán bằng tiền</u> vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành</p>	<p>Điều 21 Thông tư 136/2025/TT- BTC</p>

		<p>Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.</p>	<p>Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.</p> <p><u>Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhân cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.</u></p>	
15	<p>Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá</p>	<p>4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau</p>	<p>4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi</p>	<p>Điều Thông 21 tư</p>

	Dịch Vụ Mua Lại	khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.	<u>tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ này giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi mới tăng sớm nhất là sau hạ sáu mươi (60 30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.</u>	136/2025/TT-BTC
16		5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Ban Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.	5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Ban Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
17	Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư	4. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.	4. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. <u>Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng</u>	Sửa đổi để cập nhật theo tình hình thực tế

			<p>ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p>	
18	Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư	<p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ này.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (<u>gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>) có thể là <u>trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ này.</u></p>	Điều 6 Thông tư 136/2025/TT-BTC
19	Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	<p>3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.</p>	<p>3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.</p>	Sửa đổi để cập nhật theo tình hình thực tế
20	Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	<p>4. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này.</p>	<p>4. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này.</p>	Bãi bỏ theo quy định tại Điều 28.1 Thông tư 136/2025/TT-BTC

21		8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.	8.7 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.	Bổ sung làm rõ phạm vi áp dụng
22	Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau: h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;	1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau: h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
23	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền: c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.	2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền: c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
24	Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý	2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. <u>Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u> Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT-BTC

		phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.	<u>của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu Bảo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.</u>	
25	Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối	6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.	6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này. <u>Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.</u>	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT- BTC
26	Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. <u>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối</u>	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT- BTC

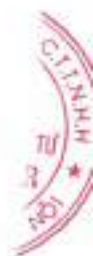
			<p><u>phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.</u></p>	
27	<p>Điều 54: Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán</p>	<p>Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>.....</p>	<p>Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>.....</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 28.1 Thông tư 136/2025/TT-BTC</p>
28	<p>Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả</p>	<p>2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối đa là: 0.06% NAV/năm.</p>	<p>2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng quy định tại <u>hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch</u></p>	<p>Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi</p>



	<p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu: 20.000.000 VND/tháng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối đa là: 0.02% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng.</p> <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p> <p>Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối đa là: 0.06% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu: 20.000.000 VND/tháng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối đa là: 0.02% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng.</p> <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p> <p>Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.</p>	
29	<p>3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF tối đa là: 0.03% NAV/năm - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p>	<p>3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được <u>quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ</u>, chi tiết tại Bản cáo bạch tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> —— Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF tối đa là: 0.03% NAV/năm —— Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
30	<p>4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>....</p> <p>b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm</p>	<p>4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>.....</p> <p>b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ,

		thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng.	gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng và được nêu cụ thể tại Bản Cáo Bạch.	hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
31		<p>5. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chi số</p> <p>a) Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu tối đa là 0.05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p>	<p>5. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chi số</p> <p>a) Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổ chức quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch tối đa là 0.05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
32		<p>6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE)</p> <p>a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này tối đa là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p> <p>.....</p>	<p>6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE)</p> <p>a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE), chi tiết trong Bản cáo bạch, tối đa là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p> <p>.....</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi

33	Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢNG I.P.A (IPAAM)	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢNG I.P.A (IPAAM) <u>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)</u>	Thay đổi tên công ty mới
34		Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.	Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019 <u>17</u> ngày <u>02/01/2024</u> .	Cập nhật thay đổi giấy phép của Ngân hàng giám sát
35	Phụ lục 3: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢNG I.P.A (IPAAM)	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢNG I.P.A (IPAAM) <u>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)</u>	Thay đổi tên công ty mới
36			Sửa đổi các lỗi chính tả, viết hoa, viết thường, viết bằng chữ, bằng số tại các điều khoản cho thống nhất	



Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
QUỸ ETF IPAAM VN100
Về việc: Thay đổi tên Quỹ

Kính trình: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (IPA PARTNER) kính trình Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 các nội dung như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 217 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, theo đó tên riêng của quỹ ETF bao gồm tên viết tắt của công ty quản lý quỹ và chỉ số tham chiếu.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện thay đổi tên từ Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM) thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner (IPA PARTNER).

Như vậy để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật nêu trên, kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc thay đổi tên Quỹ từ “Quỹ ETF IPAAM VN100” thành “Quỹ ETF IPA PARTNER VN100”, đồng thời thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ và cập nhật các tài liệu có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hồ sơ pháp lý và hồ sơ nghiệp vụ của Quỹ. Việc thay đổi này chỉ nhằm cập nhật tên gọi của Quỹ tương ứng với tên mới của Công ty Quản lý quỹ, không làm thay đổi chỉ số tham chiếu, mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, chiến lược đầu tư, cơ chế hoạt động của Quỹ và không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư và các bên liên quan (nếu có). Cụ thể như sau:



1. Thay đổi tên Quỹ

Tên Quỹ trước khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt: QUỸ ETF IPAAM VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh: IPAAM VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ: IPAAM VN100

Tên Quỹ sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt sau khi thay đổi: QUỸ ETF IPA PARTNER VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100

2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ để cập nhật tên mới của quỹ và sửa đổi tương ứng các nội dung dẫn chiếu có liên quan trong toàn bộ Điều lệ Quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Sửa đổi tên Quỹ tại phần mở đầu, các điều khoản, phụ lục và các nội dung khác có liên quan trong Điều lệ Quỹ từ **“Quỹ ETF IPAAM VN100”** thành **“Quỹ ETF IPA PARTNER VN100”**;
- Điều chỉnh các nội dung dẫn chiếu, thuật ngữ, hình thức trình bày, bố cục, đánh số điều khoản, phụ lục và các nội dung kỹ thuật khác trong Điều lệ Quỹ nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác và phù hợp với việc thay đổi tên Quỹ;
- Các sửa đổi, bổ sung khác trong Điều lệ Quỹ có tính chất kỹ thuật, phát sinh trực tiếp từ việc thay đổi tên Quỹ theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

3. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc/và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư IPA PARTNER thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện việc thay đổi tên Quỹ tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Ký, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, nộp và nhận các hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến việc thay đổi tên Quỹ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán, ngân hàng giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Hoàn thiện, cập nhật và ban hành Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung sau khi hoàn tất các thủ tục thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật;
- Tổ chức cập nhật Bản cáo bạch, tài liệu công bố thông tin, biểu mẫu, hồ sơ đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và các tài liệu khác có liên quan của Quỹ để bảo đảm thống nhất với tên Quỹ mới và Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Quyết định và hoàn thiện các nội dung điều chỉnh về mặt kỹ thuật, hình thức, câu chữ, bố cục, dẫn chiếu trong Điều lệ Quỹ và các tài liệu liên quan, với điều kiện không làm thay đổi nội dung, nguyên tắc và phạm vi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Thực hiện các công việc khác cần thiết hoặc có liên quan để hoàn tất việc thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, NHGS;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU
TƯ IPA PARTNER



CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hương



Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

Kính gửi: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư ETF IPAAM VN100

1. Thành phần và cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã bầu bà Vũ Thị Thu làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ, thay cho bà Nguyễn Thị Huyền Trang. Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 duy trì theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ với số thành viên trong năm 2025 là 03 người, cơ cấu Ban đại diện quỹ tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

- Bà Vũ Thị Thu – Chủ tịch, Thành viên độc lập
- Bà Lê Thị Hoài – Thành viên độc lập
- Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập

Cơ cấu của Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện quỹ có 3/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 2/3 thành viên Ban Đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Các thành viên Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100:
 - o Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - o Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - o Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- Chủ tịch Ban Đại diện quỹ là thành viên độc lập, đáp ứng quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100.

2. Hoạt động của Ban Đại diện quỹ trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo các phương thức khác nhau, đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Các thành viên Ban Đại diện Quỹ đã tích cực tham gia họp và cho ý kiến đối với các vấn đề xin ý kiến Ban Đại diện Quỹ, đưa ra quyết định, phê duyệt các phương án để điều hành, quản lý hoạt động của Quỹ đạt hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật. Trong đó, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 14/01/2025 phê duyệt:
 - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo

hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025.
- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 06/03/2025 phê duyệt:
- Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 thường niên năm 2025.
 - Ủy quyền và giao cho Tổng Giám đốc IPA PARTNER (trước là IPAAM) quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 thường niên năm 2025, bao gồm và không giới hạn các công việc gồm xác định thời gian họp, chương trình và nội dung cuộc họp,... và tất cả các công việc cần thiết khác phục vụ cho cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2025.
- Nghị quyết số 03/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/07/2025 phê duyệt:
- Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2025.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Các cuộc họp của Ban Đại diện quỹ đã được tổ chức và tiến hành theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết/quyết định của Ban đại diện quỹ đều được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên và được lưu giữ theo quy định.

Về thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ, trong năm 2025 mỗi thành viên Ban đại diện quỹ đều được chi trả với mức thù lao của mỗi người là 03 triệu đồng/tháng theo đúng nội dung đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025.

Trên đây là báo cáo của Ban Đại diện quỹ trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2026 thông qua.

Trân trọng!

TM. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

CHỦ TỊCH *th*

VŨ THỊ THU

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2025**

Kính gửi: - Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100
- Ban Đại Diện Quỹ (“BDD Quỹ”)
- Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư IPA Partner (“IPA PARTNER”)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại hội Nhà đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ : Quỹ ETF IPAAM VN100
Tên viết tắt : IPAAM VN100
Giấy CNĐK số : 37/GCN-UBCK cấp ngày 14/09/2021
Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính 2025, tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CC Q	10.074,26	-	10.074,26
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	(400.000)	(300.000)	(700.000)
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CC Q	9.562,76	782,25	10.345,01
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	(4.000.000.000)	(3.000.000.000)	(7.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	174.896.386	(416.404.012)	(241.507.626)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	(3.825.103.614)	(3.416.404.012)	(7.241.507.626)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	5.300.000	(300.000)	5.000.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	53.598.197.682	(3.416.404.012)	50.181.793.670
Lãi / (lỗ) lũy kế (13)	VND	(2.765.203.626)	22.521.734.800	19.756.531.174
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	50.832.994.056	19.105.330.788	69.938.324.844
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	959.113.095	439.653.402	1.398.766.497
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CC Q	9.591,13	4.396,53	13.987,66

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ đầu tư IPA Partner (IPA PARTNER) đối với Quỹ ETF IPAAM VN100 ("IPAAM VN100")

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, IPA PARTNER đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát ("NHGS").

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng ghi nhận một số nội dung sau:

2.1. Hợp đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2025

Căn cứ theo Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”), Quỹ đã tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024;
- Báo cáo hoạt động giám sát năm 2024 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Báo cáo về kết quả năm 2024 và chiến lược đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024;
- Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Miễn nhiệm Chủ tịch Ban đại diện Quỹ;
- Bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện Quỹ;

2.2. Cuộc họp của Ban đại diện theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Trong năm 2025, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 14/01/2025 phê duyệt:
 - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025.
- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 06/03/2025 phê duyệt:
 - Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 thường niên năm 2025.
 - Ủy quyền và giao cho Tổng Giám đốc IPA PARTNER (trước là IPAAM) quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 thường niên năm 2025, bao gồm và không giới hạn các công việc gồm xác định thời gian họp, chương trình và nội dung cuộc họp,... và tất cả các công việc cần thiết khác phục vụ cho cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2025.
- Nghị quyết số 03/2025/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/07/2025 phê duyệt:
 - Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2025.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

2.3. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ đã được đề cập trong "Báo cáo của Ngân hàng giám sát" được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100, thể hiện trong một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.
- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ.
- Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng.
- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các cuộc họp Ban đại diện quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.
- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng giám sát.
- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Đại diện Ngân hàng giám sát 



Vũ Thị Thanh
Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

T.T.C.P

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ
CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100**

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**1. Nhận định thị trường năm 2025**

- Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn bứt phá mạnh mẽ nhưng cũng đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. VN-Index tăng hơn 40% so với đầu năm, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường có hiệu suất tốt nhất thế giới. Tuy vậy, đã tăng mang tính tập trung cao, khi hệ sinh thái Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp hơn 2/3 tổng số điểm tăng của chỉ số.
- Bên cạnh diễn biến giá, thị trường ghi nhận những cột mốc hạ tầng và pháp lý mang tính nền tảng. Hệ thống KRX chính thức vận hành từ tháng 5/2025, chấm dứt tình trạng nghẽn lệnh và mở đường cho các sản phẩm giao dịch mới trong tương lai. Đến tháng 9/2025, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đủ điều kiện nâng hạng lên Thị trường Mới nổi thứ cấp, dự kiến có hiệu lực từ tháng 9/2026.
- Sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân tiếp tục bùng nổ, với gần 2,3 triệu tài khoản mở mới trong năm, nâng tổng số tài khoản lên hơn 11,5 triệu – hoàn thành sớm mục tiêu đến năm 2030. Tổng thể, năm 2025 có thể xem là năm “vươn mình sau giếng tổ” của TTCK Việt Nam, khẳng định vị thế mới về quy mô và uy tín, dù sự phân hóa giữa nhóm cổ phiếu dẫn dắt và phần còn lại của thị trường vẫn rất rõ nét.

2. Báo cáo về kết quả huy động vốn tính đến cuối năm 2025

Tính đến ngày 31/12/2025, NAV quỹ đạt 69,938,324,844 đồng, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ có 751 nhà đầu tư, trong đó chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân:

Ngày	Số lô chứng chỉ quỹ	NAV quỹ (đồng)	Số lượng nhà đầu tư
25/08/2021	52	52,000,000,000	3 nhà đầu tư bao gồm: - 00 nhà đầu tư cá nhân - 03 nhà đầu tư tổ chức
31/12/2025	50	69,938,324,844	751 nhà đầu tư bao gồm: - 746 nhà đầu tư cá nhân - 05 nhà đầu tư tổ chức

3. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025

3.1 Hoạt động quản lý đầu tư

- Về việc tuân thủ quy định đầu tư và hạn mức đầu tư:

Quỹ ETF IPAAM VN100 đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Về tài sản đầu tư:

Quỹ ETF IPAAM VN100 tuân thủ theo quy định về tài sản đầu tư của Quỹ hoán đổi danh mục.

3.2 Hiệu quả đầu tư

Tính tới ngày 31/12/2025, NAV/CCQ là 13,987.66 VND, tăng 39.88% so với ngày thành lập Quỹ, và tăng 45.84% so với NAV/CCQ tại ngày 31/12/2024 là 9,591.13 đồng.

NAV/CCQ (đồng)		Tăng trưởng		
		6 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày góp vốn
FUEIP100	13,987.66	35.01%	45.84%	39.88%

Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện theo đúng mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lợi thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn, tại 31/12/2025 Quỹ có mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức thấp, trong mức quy định, khoảng 0,7%.

Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100



3.3 Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

- Cơ cấu tài sản:

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2025
Danh mục chứng khoán	98.00%
Tiền	1.49%
Tài sản khác	0.51%
Tổng	100%

- Danh mục đầu tư theo nhóm ngành:



- Chi tiết hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	69,938,324,844
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ	13,987.66
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5,000,000
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	14,234.99
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	8,139.04

	FUEIP100	VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	72	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	14.23	15.44
P/B (x)	2.12	2.26
ROE (%)	14.92	15.27
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0.67%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	81.71%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình - VN MIDCAP	18.29%	

II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

1. Triển vọng thị trường chứng khoán 2026

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 được đánh giá là một năm bước ngoặt, mở ra giai đoạn tái định vị để đón đầu chu kỳ tăng trưởng mới, dựa trên nền tảng vĩ mô ổn định và các cải cách mang tính cấu trúc. Theo Trung tâm phân tích của VNDIRECT, trong kịch bản cơ sở, VN-Index được kỳ vọng có thể đạt khoảng 2.099 điểm vào cuối năm, đi kèm tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết ở mức 18–19%. Định giá thị trường vẫn hấp dẫn với P/E dự phóng khoảng 12,2 lần, trong khi thanh khoản được dự báo tăng mạnh nhờ dòng vốn mới và kỳ vọng nâng hạng.

Động lực lớn nhất của thị trường đến từ cột mốc nâng hạng lên Thị trường Mới nổi thứ cấp vào tháng 9/2026, có thể thu hút thêm hơn 1 tỷ USD từ các quỹ ETF. Song song đó là làn sóng cải cách thể chế mạnh mẽ giai đoạn 2024–2026 và chu kỳ đầu tư công – hạ tầng quy mô lớn nhất từ trước tới nay, tập trung vào các dự án chiến lược như đường sắt cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành và hệ thống metro. Làn sóng IPO mới từ năm 2026 cũng được kỳ vọng sẽ gia tăng chiều sâu và sức hút cho thị trường.

2. Chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2026

Chiến lược tích sản đều đặn định kỳ hàng tháng đối với quỹ ETF là chiến lược khả hợp lý để nhà đầu tư có thể an tâm nắm giữ cùng thị trường chứng khoán, khi vừa tận dụng được đà tăng của thị trường trong trung – dài hạn và vừa tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng lượng nắm giữ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

IPA PARTNER



CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hương



Quỹ ETF IPAAM VN100

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Quỹ ETF IPAAM VN100

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 9
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 60



Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A") ("Công ty"), là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ Đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức và cá nhân trong nước.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.



Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"). Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Vũ Thị Thu	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 04 năm 2025
Lê Thị Hoài	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 04 năm 2024
Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	Ngày 28 tháng 07 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ ("Ban Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ: 



Bà Vũ Thị Thu
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu của Quỹ ETF IPAAM VN100 là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, NAV/CCQ là 13.987,66 VND, tăng 39,88% so với ngày thành lập Quỹ.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu VN100.

1.4 Phân loại Quỹ

Phân loại Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Trung bình.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động quỹ

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.8 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.000.000, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 13.987,66 VND.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ: VN100

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế đã phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Không có.



Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 Cơ cấu tài sản

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Danh mục chứng khoán	98,00%	99,33%
Tiền	1,49%	0,32%
Tài sản khác	0,51%	0,35%
	100%	100%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	69.938.324.844	50.832.994.056
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.000.000	5.300.000
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ (CCQ)	13.987,66	9.591,13
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	14.234,99	9.760,66
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	8.139,04	8.238,12
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm	18,91%	5,30%

2.3 Tăng trưởng qua các năm

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng		
		6 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày góp vốn
FUEIP100	13.987,66	35,01%	45,84%	39,88%

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2025

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn bứt phá mạnh mẽ nhưng cũng đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VN-Index tăng hơn 40% so với đầu năm, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường có hiệu suất tốt nhất thế giới. Tuy nhiên, đã tăng mang tính tập trung cao, khi hệ sinh thái Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp hơn 2/3 tổng số điểm tăng của chỉ số.

Bên cạnh diễn biến giá, thị trường ghi nhận những cột mốc hạ tầng và pháp lý mang tính nền tảng. Hệ thống KRX chính thức vận hành từ tháng 5 năm 2025, chấm dứt tình trạng nghẽn lệnh và mở đường cho các sản phẩm giao dịch mới trong tương lai. Đến tháng 9 năm 2025, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đủ điều kiện nâng hạng lên Thị trường Mới nổi thứ cấp, dự kiến có hiệu lực từ tháng 9 năm 2026.

Sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân tiếp tục bùng nổ, với gần 2,3 triệu tài khoản mở mới trong năm, nâng tổng số tài khoản lên hơn 11,5 triệu - hoàn thành sớm mục tiêu đến năm 2030. Về tổng thể, năm 2025 có thể xem là năm "vươn mình sau giông tố" của thị trường chứng khoán Việt Nam, khẳng định vị thế mới về quy mô và uy tín, dù sự phân hóa giữa nhóm cổ phiếu dẫn dắt và phần còn lại của thị trường vẫn rất rõ nét.



Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của quỹ

	<u>Chi số FUEIP100</u>	<u>Chi số VN100</u>
Số lượng chứng khoán nắm giữ	72	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	14,23	15,44
P/B (x)	2,12	2,26
ROE (%)	14,92	15,27
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,67%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	81,71%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình - VN MIDCAP	18,29%	

Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100



4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Số lượng nhà đầu tư	<u>Tổ chức</u>	<u>Cá nhân</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07	799
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	05	746

4.3 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan	81,72%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất	95,72%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	1,18%
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch kỳ danh	751

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Triển vọng thị trường 2026

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 được đánh giá là một năm bước ngoặt, mở ra giai đoạn tái định vị để đón đầu chu kỳ tăng trưởng mới, dựa trên nền tảng vĩ mô ổn định và các cải cách mang tính cấu trúc. Theo Trung tâm phân tích của VNDIRECT, trong kịch bản cơ sở, VN-Index được kỳ vọng có thể đạt khoảng 2.099 điểm vào cuối năm, đi kèm tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết ở mức 18 - 19%. Định giá thị trường vẫn hấp dẫn với P/E dự phóng khoảng 12,2 lần, trong khi thanh khoản được dự báo tăng mạnh nhờ dòng vốn mới và kỳ vọng nâng hạng.

Động lực lớn nhất của thị trường đến từ cột mốc nâng hạng lên Thị trường Mới nổi thứ cấp vào tháng 9 năm 2026, có thể thu hút thêm hơn 1 tỷ USD từ các quỹ ETF. Song song đó là làn sóng cải cách thể chế mạnh mẽ giai đoạn 2024 - 2026 và chu kỳ đầu tư công - hạ tầng quy mô lớn nhất từ trước tới nay, tập trung vào các dự án chiến lược như đường sắt cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành và hệ thống metro. Làn sóng IPO mới từ năm 2026 cũng được kỳ vọng sẽ gia tăng chiều sâu và sức hút cho thị trường.

Chiến lược đầu tư năm 2026

Chiến lược tích sản đều đặn định kỳ hàng tháng đối với quỹ ETF là chiến lược khá hợp lý để nhà đầu tư có thể an tâm nắm giữ cùng thị trường chứng khoán, khi vừa tận dụng được đà tăng của thị trường trong trung - dài hạn và vừa tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng lượng nắm giữ.

6. THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Quỹ

Bà Hồ Ngọc Anh

Giám đốc đầu tư

Bà Hồ Ngọc Anh đã có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư.

Bà tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Đại học Assumption, Thái Lan năm 2013. Trước khi gia nhập IPA PARTNER bà từng làm chuyên viên phân tích tại Công ty Chứng khoán VNDIRECT.

Bà có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001760/QLQ do UBCKNN cấp ngày 01/03/2019.

Bà Phạm Thị Thúy Hằng

Quản lý đầu tư

Bà Hằng có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Trước khi gia nhập IPA PARTNER, bà từng làm việc tại Alpha Securities và Ocean Securities.

Bà đã thi đỗ CFA level 2 và có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001738/QLQ do UBCKNN cấp ngày 03/01/2019. Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế tại Đại học Ngoại thương

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ

Bà Vũ Thị Thư

*Thành viên độc lập
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ*

Bà Vũ Thị Thư có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Bà tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân Hàng - Đại Học Thương Mại.

Bà Vũ Thị Thư hiện đang là Chuyên viên Cao cấp Khối Dịch vụ Đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Bà Lê Thị Hoài

*Thành viên độc lập
Ban Đại diện Quỹ*

Bà Hoài đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán. Bà hiện đang là Chuyên viên cao cấp Phòng Kế toán kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Bà Hoài có Chứng chỉ kế toán viên số 1119/KET do Bộ Tài Chính cấp ngày 13/12/2022.

Bà Hoài tốt nghiệp cử nhân ngành Kế toán - Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội.

Bà Hoàng Thị Minh Phương

*Thành viên độc lập
Ban Đại diện Quỹ*

Bà Phương hiện là Chuyên viên pháp chế tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Bà Phương có trình độ chuyên môn về pháp luật và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Công đoàn và có Giấy chứng nhận đào tạo nghề Luật sư của Học viện Tư pháp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc *h*

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ngo Tri Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT *Đoàn Thị Thu Hằng*

Đoàn Thị Thu Hằng



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12860878/E-69091239

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Nhà đầu tư
Quỹ ETF IPAAM VN100**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 13 đến trang 60 bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.






Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Như Công Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO THU NHẬP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		23.896.488.419	8.900.779.376
2	1.1. Cổ tức được chia	5	1.028.211.472	952.972.502
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.366.297	748.874
4	1.3. Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư	6	4.115.347.785	(288.261.140)
5	1.4. Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	18.751.562.865	8.235.319.140
			26.990.225	6.047.315
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ			
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	26.990.225	6.047.315
			1.347.763.394	1.238.098.077
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF			
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF		348.181.807	308.152.900
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		254.323.474	247.143.767
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		82.500.000	66.000.000
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF		105.041.088	99.999.984
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán		116.600.000	121.000.000
20.11	3.8. Chi phí hoạt động khác	9	177.117.045	131.801.426
			22.521.734.800	7.656.633.984
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		22.521.734.800	7.656.633.984
31	5.1. Lãi/(Lỗ) đã thực hiện		3.770.171.935	(578.685.156)
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		18.751.562.865	8.235.319.140
41	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		22.521.734.800	7.656.633.984

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	1.049.309.576	165.272.880
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		1.049.309.576	165.272.880
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	68.804.278.900	50.795.862.600
121	2.1. Các khoản đầu tư		68.804.278.900	50.795.862.600
130	3. Các khoản phải thu	12	355.532.000	178.460.000
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		338.600.000	160.010.000
133	3.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		16.932.000	18.450.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		16.932.000	18.450.000
100	TỔNG TÀI SẢN		70.209.120.476	51.139.595.480
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả mua các khoản đầu tư		406.320	203.439
314	2. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.700.000	1.800.000
316	3. Chi phí phải trả	14	89.100.000	83.200.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	178.389.312	221.197.985
320	5. Phải trả, phải nộp khác		200.000	200.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		270.795.632	306.601.424
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		69.938.324.844	50.832.994.056
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	16	50.000.000.000	53.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		57.000.000.000	57.000.000.000
413	1.2. Vốn góp hoán đổi lại		(7.000.000.000)	(4.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		181.793.670	598.197.682
420	3. Lãi/(Lỗ) chưa phân phối	17	19.756.531.174	(2.765.203.626)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		13.987,66	9.591,13
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

802-
TY
H
YOU
NAM
ĐC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	19	5.000.000	5.300.000

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Bà Phan Minh Hương
 Chủ tịch
 Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Năm 2025	Năm 2024
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu năm	50.832.994.056	47.001.463.686
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	22.521.734.800	7.656.633.984
II.1	<i>Trong đó:</i> Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	22.521.734.800	7.656.633.984
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF	(3.416.404.012)	(3.825.103.614)
III.1	<i>Trong đó:</i> Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	(3.416.404.012)	(3.825.103.614)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm	69.938.324.844	50.832.994.056

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	106.548	24.000	2.557.152.000	3,64%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	BCG	70	2.530	177.100	0,00%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	6.977	38.900	271.405.300	0,39%
4	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	5.500	56.800	312.400.000	0,44%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CII	13.978	20.900	292.140.200	0,42%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn CMC	CMG	1.800	35.600	64.080.000	0,09%
7	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	28.604	35.750	1.022.593.000	1,46%
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	6.739	27.050	182.289.950	0,26%
9	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	3.100	32.700	101.370.000	0,14%
10	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa chất Đức Giang	DGC	5.644	68.500	386.614.000	0,55%
11	Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	3.120	39.000	121.680.000	0,17%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	20.859	16.750	349.388.250	0,50%
13	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	DPM	6.649	22.250	147.940.250	0,21%
14	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	21.183	17.100	362.229.300	0,52%
15	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	36.837	21.300	784.628.100	1,12%
16	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	EVF	18.616	11.050	205.706.800	0,29%
17	Công ty Cổ phần FPT	FPT	35.690	95.800	3.419.102.000	4,87%
18	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	2.281	149.500	341.009.500	0,49%
19	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	FTS	3.200	32.950	105.440.000	0,15%
20	Công ty Cổ phần khí Việt Nam	GAS	3.022	72.400	218.792.800	0,31%
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	15.629	43.600	681.424.400	0,97%
22	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	8.966	61.000	546.926.000	0,78%
23	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	3.900	26.200	102.180.000	0,15%
24	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HAG	18.500	17.550	324.675.000	0,46%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
	(tiếp theo)					
25	Công ty Cổ phần Chứng khoán T.P Hồ Chí Minh	HCM	13.185	22.400	295.344.000	0,42%
26	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	HDB	92.143	29.700	2.736.647.100	3,90%
27	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	5.422	27.300	148.020.600	0,21%
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	9.413	13.150	123.780.950	0,18%
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	104.091	26.400	2.748.002.400	3,91%
30	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	10.853	15.750	170.934.750	0,24%
31	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	12.566	35.350	444.208.100	0,63%
32	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	KDC	94	52.000	4.888.000	0,01%
33	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	17.894	31.500	563.661.000	0,80%
34	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	69.745	41.800	2.915.341.000	4,15%
35	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	99.382	25.300	2.514.364.600	3,58%
36	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MSB	53.672	12.400	665.532.800	0,95%
37	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	21.440	77.000	1.650.880.000	2,35%
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	27.350	88.400	2.417.740.000	3,44%
39	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	NAB	33.525	14.300	479.407.500	0,68%
40	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	8.848	14.850	131.392.800	0,19%
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	9.600	30.450	292.320.000	0,42%
42	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	OCB	19.504	11.950	233.072.800	0,33%
43	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	2.900	27.300	79.170.000	0,11%
44	Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	PC1	6.177	22.550	139.291.350	0,20%
45	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	14.601	18.800	274.498.800	0,39%
46	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	2.700	35.300	95.310.000	0,14%
47	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	7.400	97.000	717.800.000	1,02%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
1	CÓ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
48	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	POW	17.136	12.700	217.627.200	0,31%
49	Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	6.912	28.350	195.955.200	0,28%
50	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	5.232	18.400	96.268.800	0,14%
51	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	4.633	61.000	282.613.000	0,40%
52	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	3.400	49.000	166.600.000	0,24%
53	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	SHB	79.099	16.350	1.293.268.650	1,84%
54	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	SSB	38.291	17.450	668.177.950	0,95%
55	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	35.410	30.250	1.071.152.500	1,53%
56	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	44.100	58.000	2.557.800.000	3,64%
57	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	95.800	34.900	3.343.420.000	4,76%
58	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	12.253	18.300	224.229.900	0,32%
59	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	TPB	37.346	17.100	638.616.600	0,91%
60	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	22.793	57.500	1.310.597.500	1,87%
61	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	8.696	22.600	196.529.600	0,28%
62	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	VCI	10.689	35.300	377.321.700	0,54%
63	Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	30.350	124.000	3.763.400.000	5,36%
64	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	50.189	17.750	890.854.750	1,27%
65	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	61.000	169.600	10.345.600.000	14,74%
66	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	37.869	22.500	852.052.500	1,21%
67	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	6.500	209.000	1.358.500.000	1,93%
68	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	27.925	19.450	543.141.250	0,77%
69	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	20.600	61.200	1.260.720.000	1,80%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
70	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	117.297	28.650	3.360.559.050	4,79%
71	Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	22.500	33.650	757.125.000	1,08%
72	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	8.700	19.950	173.565.000	0,25%
	Tổng		1.824.637		68.688.648.650	97,83%
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC					
	Quyền mua chứng khoán					
1	MIRHHV261		9.413		2.964.150	0,00%
2	MIRPOW251		14.400		4.665.600	0,01%
3	MIRSSI251		35.410		108.000.500	0,16%
	Tổng		59.223		115.630.250	0,17%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Cổ tức được nhận				16.932.000	0,02%
2	Tiền bán chứng khoán chờ thu				338.600.000	0,49%
	Tổng				355.532.000	0,51%
III	TIỀN					
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF				1.049.309.576	1,49%
	Tổng				1.049.309.576	1,49%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				70.209.120.476	100%

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		22.521.734.800	7.656.633.984
	Điều chỉnh lợi nhuận do việc mua lại chứng chỉ quỹ		(558.373.614)	(50.568.077)
02	Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(18.634.962.865)	(8.114.319.140)
03	Lãi chưa thực hiện	7	(18.751.562.865)	(8.235.319.140)
04	Chi phí trích trước		116.600.000	121.000.000
05	Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		3.328.398.321	(508.253.233)
20	(Tăng)/Giảm các khoản đầu tư		(1.956.164.821)	875.586.617
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(178.590.000)	(160.010.000)
07	Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.518.000	14.632.000
10	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		202.881	203.439
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		900.000	-
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(110.700.000)	(97.200.000)
17	(Giảm)/Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF		(42.808.673)	1.275.024
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.042.755.708	126.233.847
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ		-	-
32	Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ		(158.719.012)	(201.703.614)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(158.719.012)	(201.703.614)
40	III. Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm		884.036.696	(75.469.767)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	10	165.272.880	240.742.647
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		165.272.880	240.742.647
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		165.272.880	240.742.647
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	10	1.049.309.576	165.272.880
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		1.049.309.576	165.272.880
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		1.049.309.576	165.272.880
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		884.036.696	(75.469.767)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 Kiểm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**1.1 Thông tin về Quỹ****Quỹ**

Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A") (sau đây được gọi tắt là "Công ty"), là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ Đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức và cá nhân trong nước.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"). Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập là 52.000.000.000 đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn thực góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 50.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ (Thuyết minh 16).

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày nếu đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan đến lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

5110
NG 1
TNH
T & Y
TN
Ổ HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức, trừ công nợ của Chính phủ;
- ▶ Trừ trường hợp là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu, không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (iv) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh, dư nợ vay khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.3 Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại kỳ lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thương và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu, hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu, hoặc giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sở giao dịch chứng khoán thì giá được xác định là một trong các mức giá sau: Giá trị sổ sách hoặc Mệnh giá hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VND (không Đồng Việt Nam).

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư phù hợp với Thông tư số 98 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ▶ Giá mua; hoặc
 - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Châm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được châm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã châm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi(lỗ) do bán các khoản đầu tư

Lãi(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

4.5. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch công với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

4.8. Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF IPAAM VN100. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100 là 0,6% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,06% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Giá dịch vụ giám sát tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính là: 0,03% giá trị giao dịch. Tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 VND/ngày giao dịch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8. Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT) từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025 và là 10.000.000 VND kể từ ngày 01/10/2025. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng còn bao gồm cả phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số VN100. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

4.9. Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9. Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định hiện hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.11. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Cổ tức đã nhận bằng tiền	1.011.279.472	934.522.502
Cổ tức phải thu	16.932.000	18.450.000
Tổng cộng	1.028.211.472	952.972.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Tổng giá trị bán/ hoán đổi</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi bán chứng khoán năm nay</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán năm trước</i>
I	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư	11.775.296.100	8.218.321.929	3.556.974.171	(338.829.217)
1	Cổ phiếu niêm yết	11.775.296.100	8.218.321.929	3.556.974.171	(338.829.217)
II	Lãi giao dịch chứng khoán trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ	3.257.685.000	2.699.311.386	558.373.614	50.568.077
1	Cổ phiếu giao dịch hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ	3.257.685.000	2.699.311.386	558.373.614	50.568.077
	Tổng cộng	15.032.981.100	10.917.633.315	4.115.347.785	(288.261.140)

7. CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VND

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh số cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
1	Cổ phiếu niêm yết	49.518.086.944	68.688.648.650	19.170.561.706	527.965.091	18.642.596.615
2	Quyền mua chứng khoán	-	115.630.250	115.630.250	6.664.000	108.966.250
	Tổng cộng	49.518.086.944	68.804.278.900	19.286.191.956	534.629.091	18.751.562.865



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm 2025</i>	<i>Năm 2024</i>
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	26.990.225	6.047.315

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm 2025</i>	<i>Năm 2024</i>
Chi phí thù lao Ban đại diện Quỹ	96.700.000	72.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí thực hiện quyền trả VSDC	40.000.000	20.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM	30.000.000	30.000.000
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	7.500.000	7.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSDC	1.600.000	2.000.000
Chi phí ngân hàng	739.890	301.426
Chi phí thiết kế, in ấn, gửi thư	577.155	-
Tổng cộng	177.117.045	131.801.426

10. TIỀN GỬI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ ETF	1.049.309.576	165.272.880



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu niêm yết Cổ phiếu	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
1	ACB	1.822.957.678	2.557.152.000	734.194.322	-	2.557.152.000
2	BCG	641.326	177.100	-	(464.226)	177.100
3	BID	162.039.346	271.405.300	109.365.954	-	271.405.300
4	BVH	295.574.487	312.400.000	16.825.513	-	312.400.000
5	CII	261.612.632	292.140.200	30.527.568	-	292.140.200
6	CMG	85.593.600	64.080.000	-	(21.513.600)	64.080.000
7	CTG	569.252.318	1.022.593.000	453.340.682	-	1.022.593.000
8	DBC	153.536.181	182.289.950	28.753.769	-	182.289.950
9	DCM	102.300.000	101.370.000	-	(930.000)	101.370.000
10	DGC	306.964.427	386.614.000	79.649.573	-	386.614.000
11	DGW	179.723.397	121.680.000	-	(58.043.397)	121.680.000
12	DIG	505.868.251	349.388.250	-	(156.480.001)	349.388.250
13	DPM	146.120.398	147.940.250	1.819.852	-	147.940.250
14	DXG	332.855.492	362.229.300	29.373.808	-	362.229.300
15	EIB	606.267.402	784.628.100	178.360.698	-	784.628.100
16	EVF	229.517.516	205.706.800	-	(23.810.716)	205.706.800
17	FPT	2.298.215.472	3.419.102.000	1.120.886.528	-	3.419.102.000
18	FRT	142.430.984	341.009.500	198.578.516	-	341.009.500
19	FTS	131.281.861	105.440.000	-	(25.841.861)	105.440.000
20	GAS	214.257.025	218.792.800	4.535.775	-	218.792.800
21	GEX	322.060.002	681.424.400	359.364.398	-	681.424.400
22	GMD	400.649.282	546.926.000	146.276.718	-	546.926.000
23	GVR	138.330.923	102.180.000	-	(36.150.923)	102.180.000
24	HAG	182.500.532	324.675.000	142.174.468	-	324.675.000
25	HCM	295.802.380	295.344.000	-	(458.380)	295.344.000
26	HDB	1.385.503.776	2.736.647.100	1.351.143.324	-	2.736.647.100
27	HDG	174.383.200	148.020.600	-	(26.362.600)	148.020.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
28	HHV	121.995.535	123.780.950	1.785.415	-	123.780.950
29	HPG	2.933.245.425	2.748.002.400	-	(185.243.025)	2.748.002.400
30	HSG	340.447.945	170.934.750	-	(169.513.195)	170.934.750
31	KBC	367.034.640	444.208.100	77.173.460	-	444.208.100
32	KDC	4.706.975	4.888.000	181.025	-	4.888.000
33	KDH	516.662.826	563.661.000	46.998.174	-	563.661.000
34	LPB	971.763.426	2.915.341.000	1.943.577.574	-	2.915.341.000
35	MBB	1.368.749.283	2.514.364.600	1.145.615.317	-	2.514.364.600
36	MSB	564.717.336	665.532.800	100.815.464	-	665.532.800
37	MSN	2.127.483.694	1.650.880.000	-	(476.603.694)	1.650.880.000
38	MWG	1.921.820.184	2.417.740.000	495.919.816	-	2.417.740.000
39	NAB	441.189.000	479.407.500	38.218.500	-	479.407.500
40	NKG	150.530.572	131.392.800	-	(19.137.772)	131.392.800
41	NLG	323.489.066	292.320.000	-	(31.169.066)	292.320.000
42	OCB	268.362.239	233.072.800	-	(35.289.439)	233.072.800
43	PAN	70.257.221	79.170.000	8.912.779	-	79.170.000
44	PC1	100.373.458	139.291.350	38.917.892	-	139.291.350
45	PDR	550.237.839	274.498.800	-	(275.739.039)	274.498.800
46	PLX	131.376.721	95.310.000	-	(36.066.721)	95.310.000
47	PNJ	519.553.106	717.800.000	198.246.894	-	717.800.000
48	POW	172.096.805	217.627.200	45.530.395	-	217.627.200
49	PVD	111.770.010	195.955.200	84.185.190	-	195.955.200
50	PVT	71.710.541	96.268.800	24.558.259	-	96.268.800
51	REE	158.486.250	282.613.000	124.126.750	-	282.613.000
52	SAB	280.872.691	166.600.000	-	(114.272.691)	166.600.000
53	SHB	709.591.251	1.293.268.650	583.677.399	-	1.293.268.650
54	SSB	860.928.464	668.177.950	-	(192.750.514)	668.177.950
55	SSI	1.177.300.979	1.071.152.500	-	(106.148.479)	1.071.152.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
56	STB	1.215.706.246	2.557.800.000	1.342.093.754	-	2.557.800.000
57	TCB	2.360.886.418	3.343.420.000	982.533.582	-	3.343.420.000
58	TCH	184.421.520	224.229.900	39.808.380	-	224.229.900
59	TPB	562.227.395	638.616.600	76.389.205	-	638.616.600
60	VCB	1.032.954.965	1.310.597.500	277.632.535	-	1.310.597.500
61	VCG	236.071.762	196.529.600	-	(39.542.162)	196.529.600
62	VCI	398.384.214	377.321.700	-	(21.062.514)	377.321.700
63	VHM	2.126.090.689	3.763.400.000	1.637.309.311	-	3.763.400.000
64	VIB	876.352.233	890.854.750	14.502.517	-	890.854.750
65	VIC	4.430.427.284	10.345.600.000	5.915.172.716	-	10.345.600.000
66	VIX	466.663.392	852.052.500	385.389.108	-	852.052.500
67	VJC	826.748.869	1.358.500.000	531.751.131	-	1.358.500.000
68	VND	679.292.772	543.141.250	-	(136.151.522)	543.141.250
69	VNM	1.783.546.784	1.260.720.000	-	(522.826.784)	1.260.720.000
70	VPB	2.754.551.951	3.360.559.050	606.007.099	-	3.360.559.050
71	VRE	600.657.080	757.125.000	156.467.920	-	757.125.000
72	VSC	200.100.000	173.565.000	-	(26.535.000)	173.565.000
Quyền mua chứng khoán						
1	MIRHHV261	-	2.964.150	2.964.150	-	2.964.150
2	MIRPOW251	-	4.665.600	4.665.600	-	4.665.600
3	MIRSSI251	-	108.000.500	108.000.500	-	108.000.500
Tổng cộng		49.518.086.944	68.804.278.900	22.024.299.277	(2.738.107.321)	68.804.278.900

(*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm và giá vốn của chứng khoán thương mại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phải thu về bán các khoản đầu tư	338.600.000	160.010.000
Phải thu về dự thu cổ tức	16.932.000	18.450.000
Tổng cộng	355.532.000	178.460.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	9.670.000	(8.770.000)	2.700.000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phí kiểm toán	64.800.000	67.000.000
Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	24.300.000	16.200.000
Tổng cộng	89.100.000	83.200.000

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phí phải trả Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM	90.908.558	86.498.610
Phí quản lý Quỹ	34.379.174	76.099.375
Phí dịch vụ lưu ký Ngân hàng Giám sát	20.101.580	20.100.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phí phải trả VSDC	11.000.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Tổng cộng	178.389.312	221.197.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.074,26	-	10.074,26
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	(400.000)	(300.000)	(700.000)
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	9.562,76	782,25	10.345,01
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	(4.000.000.000)	(3.000.000.000)	(7.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	174.896.386	(416.404.012)	(241.507.626)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	(3.825.103.614)	(3.416.404.012)	(7.241.507.626)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	5.300.000	(300.000)	5.000.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	53.598.197.682	(3.416.404.012)	50.181.793.670
Lãi/(lỗ) lũy kế (13)	VND	(2.765.203.626)	22.521.734.800	19.756.531.174
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	50.832.994.056	19.105.330.788	69.938.324.844
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	959.113.095	439.653.402	1.398.766.497
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	9.591,13	4.396,53	13.987,66

17. LỢI NHUẬN/(LỖ) CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện	(3.299.832.717)	3.770.171.935	470.339.218
Lợi nhuận chưa thực hiện	534.629.091	18.751.562.865	19.286.191.956
Tổng cộng	(2.765.203.626)	22.521.734.800	19.756.531.174

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
1	01/01/2025	50.829.684.434	5.300.000	9.590,50	
2	02/01/2025	50.775.626.451	5.300.000	9.580,30	(10,20)
3	03/01/2025	49.920.251.914	5.300.000	9.418,91	(161,39)
4	04/01/2025	49.920.251.914	5.300.000	9.418,91	-
5	05/01/2025	49.920.251.914	5.300.000	9.418,91	-
6	06/01/2025	49.518.426.647	5.300.000	9.343,09	(75,82)
7	07/01/2025	49.496.944.983	5.300.000	9.339,04	(4,05)
8	08/01/2025	49.631.681.455	5.300.000	9.364,46	25,42
9	09/01/2025	49.405.909.888	5.300.000	9.321,86	(42,60)
10	10/01/2025	48.696.168.271	5.300.000	9.187,95	(133,91)
11	11/01/2025	48.696.168.271	5.300.000	9.187,95	-
12	12/01/2025	48.696.168.271	5.300.000	9.187,95	-
13	13/01/2025	48.945.802.797	5.300.000	9.235,05	47,10
14	14/01/2025	48.598.848.377	5.300.000	9.169,59	(65,46)
15	15/01/2025	48.946.587.611	5.300.000	9.235,20	65,61
16	16/01/2025	49.205.838.363	5.300.000	9.284,12	48,92
17	17/01/2025	49.576.211.539	5.300.000	9.354,00	69,88
18	18/01/2025	49.576.211.539	5.300.000	9.354,00	-
19	19/01/2025	49.576.211.539	5.300.000	9.354,00	-
20	20/01/2025	49.656.474.043	5.300.000	9.369,14	15,14
21	21/01/2025	49.581.677.597	5.300.000	9.355,03	(14,11)
22	22/01/2025	49.500.380.217	5.300.000	9.339,69	(15,34)
23	23/01/2025	50.416.174.826	5.300.000	9.512,48	172,79
24	24/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	53,34
25	25/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
26	26/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
27	27/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
28	28/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
29	29/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
30	30/01/2025	50.698.849.030	5.300.000	9.565,82	-
31	31/01/2025	50.695.541.608	5.300.000	9.565,19	(0,63)
32	01/02/2025	50.688.557.095	5.300.000	9.563,87	(1,32)
33	02/02/2025	50.688.557.095	5.300.000	9.563,87	-
34	03/02/2025	49.943.593.080	5.300.000	9.423,31	(140,56)
35	04/02/2025	50.437.881.519	5.300.000	9.516,58	93,27
36	05/02/2025	50.609.114.714	5.300.000	9.548,88	32,30
37	06/02/2025	50.744.630.431	5.300.000	9.574,45	25,57
38	07/02/2025	50.838.778.468	5.300.000	9.592,22	17,77
39	08/02/2025	50.838.778.468	5.300.000	9.592,22	-
40	09/02/2025	50.838.778.468	5.300.000	9.592,22	-
41	10/02/2025	50.363.630.603	5.300.000	9.502,57	(89,65)
42	11/02/2025	50.660.211.688	5.300.000	9.558,53	55,96
43	12/02/2025	50.586.596.303	5.300.000	9.544,64	(13,89)
44	13/02/2025	50.663.598.492	5.300.000	9.559,16	14,52
45	14/02/2025	50.795.241.996	5.300.000	9.584,00	24,84
46	15/02/2025	50.795.241.996	5.300.000	9.584,00	-
47	16/02/2025	50.795.241.996	5.300.000	9.584,00	-
48	17/02/2025	50.656.067.335	5.300.000	9.557,55	(26,45)
49	18/02/2025	50.785.551.079	5.300.000	9.582,17	24,62

B11:
 CÔNG
 TNHH
 IT &
 ET
 HO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
50	19/02/2025	51.185.038.506	5.300.000	9.657,55	75,38
51	20/02/2025	51.328.143.231	5.300.000	9.684,55	27,00
52	21/02/2025	51.385.016.439	5.300.000	9.695,28	10,73
53	22/02/2025	51.385.016.439	5.300.000	9.695,28	-
54	23/02/2025	51.385.016.439	5.300.000	9.695,28	-
55	24/02/2025	51.746.768.432	5.300.000	9.763,54	68,26
56	25/02/2025	51.622.095.674	5.300.000	9.740,01	(23,53)
57	26/02/2025	51.643.711.085	5.300.000	9.744,09	4,08
58	27/02/2025	51.803.109.652	5.300.000	9.774,17	30,08
59	28/02/2025	51.589.292.406	5.300.000	9.733,82	(40,35)
60	01/03/2025	51.582.648.321	5.300.000	9.732,57	(1,25)
61	02/03/2025	51.582.648.321	5.300.000	9.732,57	-
62	03/03/2025	51.755.883.964	5.300.000	9.765,26	32,69
63	04/03/2025	51.932.748.309	5.300.000	9.798,63	33,37
64	05/03/2025	51.648.705.013	5.300.000	9.745,03	(53,60)
65	06/03/2025	52.298.308.319	5.300.000	9.867,60	122,57
66	07/03/2025	52.579.553.558	5.300.000	9.920,67	53,07
67	08/03/2025	52.579.553.558	5.300.000	9.920,67	-
68	09/03/2025	52.579.553.558	5.300.000	9.920,67	-
69	10/03/2025	52.557.626.788	5.300.000	9.916,53	(4,14)
70	11/03/2025	52.650.855.608	5.300.000	9.934,12	17,59
71	12/03/2025	52.554.744.958	5.300.000	9.915,98	(18,14)
72	13/03/2025	52.246.457.336	5.300.000	9.857,82	(58,16)
73	14/03/2025	52.139.140.545	5.300.000	9.837,57	(20,25)
74	15/03/2025	52.139.140.545	5.300.000	9.837,57	-
75	16/03/2025	52.139.140.545	5.300.000	9.837,57	-
76	17/03/2025	52.534.789.143	5.300.000	9.912,22	74,65
77	18/03/2025	52.310.359.431	5.300.000	9.869,87	(42,35)
78	19/03/2025	51.908.193.380	5.300.000	9.793,99	(75,88)
79	20/03/2025	51.916.321.695	5.300.000	9.795,53	1,54
80	21/03/2025	51.852.829.224	5.300.000	9.783,55	(11,98)
81	22/03/2025	51.852.829.224	5.300.000	9.783,55	-
82	23/03/2025	51.852.829.224	5.300.000	9.783,55	-
83	24/03/2025	52.211.381.839	5.300.000	9.851,20	67,65
84	25/03/2025	52.148.091.844	5.300.000	9.839,26	(11,94)
85	26/03/2025	51.832.602.287	5.300.000	9.779,73	(59,53)
86	27/03/2025	51.807.095.673	5.300.000	9.774,92	(4,81)
87	28/03/2025	51.524.382.860	5.300.000	9.721,58	(53,34)
88	29/03/2025	51.524.382.860	5.300.000	9.721,58	-
89	30/03/2025	51.524.382.860	5.300.000	9.721,58	-
90	31/03/2025	51.176.548.372	5.300.000	9.655,95	(65,63)
91	01/04/2025	51.594.359.800	5.300.000	9.734,78	78,83
92	02/04/2025	51.614.784.992	5.300.000	9.738,63	3,85
93	03/04/2025	48.093.769.885	5.300.000	9.074,29	(664,34)
94	04/04/2025	47.616.383.937	5.300.000	8.984,22	(90,07)
95	05/04/2025	47.616.383.937	5.300.000	8.984,22	-
96	06/04/2025	47.616.383.937	5.300.000	8.984,22	-
97	07/04/2025	47.616.383.937	5.300.000	8.984,22	-
98	08/04/2025	44.495.002.529	5.300.000	8.395,28	(588,94)

102-
 TY
 H
 YOU
 VAI
 100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
99	09/04/2025	43.136.929.546	5.300.000	8.139,04	(256,24)
100	10/04/2025	46.111.986.021	5.300.000	8.700,37	561,33
101	11/04/2025	48.359.295.656	5.300.000	9.124,39	424,02
102	12/04/2025	48.359.295.656	5.300.000	9.124,39	-
103	13/04/2025	48.359.295.656	5.300.000	9.124,39	-
104	14/04/2025	49.072.345.003	5.300.000	9.258,93	134,54
105	15/04/2025	48.446.857.732	5.300.000	9.140,91	(118,02)
106	16/04/2025	47.756.426.810	5.300.000	9.010,64	(130,27)
107	17/04/2025	48.148.185.368	5.300.000	9.084,56	73,92
108	18/04/2025	48.433.738.181	5.300.000	9.138,44	53,88
109	19/04/2025	48.433.738.181	5.300.000	9.138,44	-
110	20/04/2025	48.433.738.181	5.300.000	9.138,44	-
111	21/04/2025	48.003.511.648	5.300.000	9.057,26	(81,18)
112	22/04/2025	47.721.447.351	5.300.000	9.004,04	(53,22)
113	23/04/2025	48.284.975.741	5.300.000	9.110,37	106,33
114	24/04/2025	48.608.738.089	5.300.000	9.171,46	61,09
115	25/04/2025	48.757.601.256	5.300.000	9.199,54	28,08
116	26/04/2025	48.750.947.766	5.300.000	9.198,29	(1,25)
117	27/04/2025	48.750.947.766	5.300.000	9.198,29	-
118	28/04/2025	48.700.818.920	5.300.000	9.188,83	(9,46)
119	29/04/2025	48.645.345.638	5.300.000	9.178,36	(10,47)
120	30/04/2025	48.645.345.638	5.300.000	9.178,36	-
121	01/05/2025	48.642.071.977	5.300.000	9.177,74	(0,62)
122	02/05/2025	48.632.251.237	5.300.000	9.175,89	(1,85)
123	03/05/2025	48.632.251.237	5.300.000	9.175,89	-
124	04/05/2025	48.632.251.237	5.300.000	9.175,89	-
125	05/05/2025	49.083.529.379	5.300.000	9.261,04	85,15
126	06/05/2025	49.049.441.222	5.300.000	9.254,61	(6,43)
127	07/05/2025	49.230.641.876	5.300.000	9.288,80	34,19
128	08/05/2025	50.023.968.119	5.300.000	9.438,48	149,68
129	09/05/2025	50.094.388.768	5.300.000	9.451,77	13,29
130	10/05/2025	50.094.388.768	5.300.000	9.451,77	-
131	11/05/2025	50.094.388.768	5.300.000	9.451,77	-
132	12/05/2025	50.833.919.356	5.300.000	9.591,30	139,53
133	13/05/2025	51.296.070.047	5.300.000	9.678,50	87,20
134	14/05/2025	52.059.249.223	5.300.000	9.822,49	143,99
135	15/05/2025	52.370.515.072	5.300.000	9.881,22	58,73
136	16/05/2025	51.673.451.988	5.300.000	9.749,70	(131,52)
137	17/05/2025	51.673.451.988	5.300.000	9.749,70	-
138	18/05/2025	51.673.451.988	5.300.000	9.749,70	-
139	19/05/2025	51.458.294.113	5.300.000	9.709,11	(40,59)
140	20/05/2025	52.293.130.910	5.300.000	9.866,62	157,51
141	21/05/2025	52.628.789.910	5.300.000	9.929,96	63,34
142	22/05/2025	52.258.286.631	5.300.000	9.860,05	(69,91)
143	23/05/2025	52.347.790.778	5.300.000	9.876,94	16,89
144	24/05/2025	52.347.790.778	5.300.000	9.876,94	-
145	25/05/2025	52.347.790.778	5.300.000	9.876,94	-
146	26/05/2025	52.912.076.426	5.300.000	9.983,41	106,47
147	27/05/2025	53.199.794.570	5.300.000	10.037,69	54,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):
Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
148	28/05/2025	53.159.859.720	5.300.000	10.030,16	(7,53)
149	29/05/2025	53.181.769.155	5.300.000	10.034,29	4,13
150	30/05/2025	52.776.565.647	5.300.000	9.957,84	(76,45)
151	31/05/2025	52.776.565.647	5.300.000	9.957,84	-
152	01/06/2025	52.773.066.549	5.300.000	9.957,18	(0,66)
153	02/06/2025	52.957.017.627	5.300.000	9.991,89	34,71
154	03/06/2025	53.478.649.780	5.300.000	10.090,31	98,42
155	04/06/2025	53.436.466.526	5.300.000	10.082,35	(7,96)
156	05/06/2025	53.261.690.367	5.300.000	10.049,37	(32,98)
157	06/06/2025	52.724.091.041	5.300.000	9.947,94	(101,43)
158	07/06/2025	52.724.091.041	5.300.000	9.947,94	-
159	08/06/2025	52.724.091.041	5.300.000	9.947,94	-
160	09/06/2025	52.097.339.551	5.300.000	9.829,68	(118,26)
161	10/06/2025	52.392.815.685	5.300.000	9.885,43	55,75
162	11/06/2025	52.400.811.006	5.300.000	9.886,94	1,51
163	12/06/2025	51.917.468.981	5.200.000	9.984,12	97,18
164	13/06/2025	51.498.050.670	5.200.000	9.903,47	(80,65)
165	14/06/2025	51.498.050.670	5.200.000	9.903,47	-
166	15/06/2025	51.498.050.670	5.200.000	9.903,47	-
167	16/06/2025	52.382.462.443	5.200.000	10.073,55	170,08
168	17/06/2025	52.685.647.882	5.200.000	10.131,85	58,30
169	18/06/2025	52.642.667.677	5.200.000	10.123,58	(8,27)
170	19/06/2025	52.848.504.589	5.200.000	10.163,17	39,59
171	20/06/2025	52.837.589.565	5.200.000	10.161,07	(2,10)
172	21/06/2025	52.837.589.565	5.200.000	10.161,07	-
173	22/06/2025	52.837.589.565	5.200.000	10.161,07	-
174	23/06/2025	52.962.860.447	5.200.000	10.185,16	24,09
175	24/06/2025	53.398.539.417	5.200.000	10.268,94	83,78
176	25/06/2025	53.421.794.705	5.200.000	10.273,42	4,48
177	26/06/2025	53.399.979.093	5.200.000	10.269,22	(4,20)
178	27/06/2025	53.628.571.160	5.200.000	10.313,18	43,96
179	28/06/2025	53.628.571.160	5.200.000	10.313,18	-
180	29/06/2025	53.628.571.160	5.200.000	10.313,18	-
181	30/06/2025	53.873.789.547	5.200.000	10.360,34	47,16
182	01/07/2025	53.857.327.453	5.200.000	10.357,17	(3,17)
183	02/07/2025	53.209.551.857	5.100.000	10.433,24	76,07
184	03/07/2025	53.269.666.674	5.100.000	10.445,03	11,79
185	04/07/2025	53.602.164.966	5.100.000	10.510,22	65,19
186	05/07/2025	53.602.164.966	5.100.000	10.510,22	-
187	06/07/2025	53.602.164.966	5.100.000	10.510,22	-
188	07/07/2025	54.352.467.033	5.100.000	10.657,34	147,12
189	08/07/2025	54.895.254.269	5.100.000	10.763,77	106,43
190	09/07/2025	55.351.707.302	5.100.000	10.853,27	89,50
191	10/07/2025	55.865.834.483	5.100.000	10.954,08	100,81
192	11/07/2025	56.434.944.094	5.100.000	11.065,67	111,59
193	12/07/2025	56.434.944.094	5.100.000	11.065,67	-
194	13/07/2025	56.434.944.094	5.100.000	11.065,67	-
195	14/07/2025	56.923.209.543	5.100.000	11.161,41	95,74
196	15/07/2025	56.634.316.691	5.100.000	11.104,76	(56,65)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):
Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
197	16/07/2025	57.243.637.723	5.100.000	11.224,24	119,48
198	17/07/2025	57.719.233.900	5.100.000	11.317,49	93,25
199	18/07/2025	58.157.018.083	5.100.000	11.403,33	85,84
200	19/07/2025	58.157.018.083	5.100.000	11.403,33	-
201	20/07/2025	58.157.018.083	5.100.000	11.403,33	-
202	21/07/2025	57.880.686.843	5.100.000	11.349,15	(54,18)
203	22/07/2025	58.821.563.936	5.100.000	11.533,63	184,48
204	23/07/2025	58.986.326.371	5.100.000	11.565,94	32,31
205	24/07/2025	59.437.052.846	5.100.000	11.654,32	88,38
206	25/07/2025	60.031.051.206	5.100.000	11.770,79	116,47
207	26/07/2025	60.031.051.206	5.100.000	11.770,79	-
208	27/07/2025	60.031.051.206	5.100.000	11.770,79	-
209	28/07/2025	61.331.156.384	5.100.000	12.025,71	254,92
210	29/07/2025	58.492.017.143	5.100.000	11.469,02	(556,69)
211	30/07/2025	59.175.664.915	5.100.000	11.603,07	134,05
212	31/07/2025	59.062.008.017	5.100.000	11.580,78	(22,29)
213	01/08/2025	58.863.536.674	5.100.000	11.541,86	(38,92)
214	02/08/2025	58.863.536.674	5.100.000	11.541,86	-
215	03/08/2025	58.863.536.674	5.100.000	11.541,86	-
216	04/08/2025	60.265.852.392	5.100.000	11.816,83	274,97
217	05/08/2025	61.327.059.665	5.100.000	12.024,91	208,08
218	06/08/2025	62.560.159.068	5.100.000	12.266,69	241,78
219	07/08/2025	62.990.221.301	5.100.000	12.351,02	84,33
220	08/08/2025	63.018.875.085	5.100.000	12.356,64	5,62
221	09/08/2025	63.018.875.085	5.100.000	12.356,64	-
222	10/08/2025	63.018.875.085	5.100.000	12.356,64	-
223	11/08/2025	63.514.761.445	5.100.000	12.453,87	97,23
224	12/08/2025	63.984.820.328	5.100.000	12.546,04	92,17
225	13/08/2025	64.195.724.144	5.100.000	12.587,39	41,35
226	14/08/2025	65.788.559.976	5.100.000	12.899,71	312,32
227	15/08/2025	65.472.759.272	5.100.000	12.837,79	(61,92)
228	16/08/2025	65.472.759.272	5.100.000	12.837,79	-
229	17/08/2025	65.472.759.272	5.100.000	12.837,79	-
230	18/08/2025	65.813.896.438	5.100.000	12.904,68	66,89
231	19/08/2025	66.820.177.362	5.100.000	13.101,99	197,31
232	20/08/2025	67.381.178.264	5.100.000	13.211,99	110,00
233	21/08/2025	68.885.689.134	5.100.000	13.506,99	295,00
234	22/08/2025	66.712.652.182	5.100.000	13.080,91	(426,08)
235	23/08/2025	66.712.652.182	5.100.000	13.080,91	-
236	24/08/2025	66.712.652.182	5.100.000	13.080,91	-
237	25/08/2025	65.122.543.013	5.100.000	12.769,12	(311,79)
238	26/08/2025	67.649.893.276	5.100.000	13.264,68	495,56
239	27/08/2025	67.635.844.341	5.100.000	13.261,93	(2,75)
240	28/08/2025	68.218.327.681	5.100.000	13.376,14	114,21
241	29/08/2025	68.465.237.520	5.100.000	13.424,55	48,41
242	30/08/2025	68.465.237.520	5.100.000	13.424,55	-
243	31/08/2025	68.465.237.520	5.100.000	13.424,55	-
244	01/09/2025	68.457.857.523	5.100.000	13.423,10	(1,45)
245	02/09/2025	68.457.857.523	5.100.000	13.423,10	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
246	03/09/2025	68.431.982.994	5.100.000	13.418,03	(5,07)
247	04/09/2025	69.129.676.246	5.100.000	13.554,83	136,80
248	05/09/2025	67.608.967.775	5.100.000	13.256,66	(298,17)
249	06/09/2025	67.608.967.775	5.100.000	13.256,66	-
250	07/09/2025	67.608.967.775	5.100.000	13.256,66	-
251	08/09/2025	65.665.458.724	5.100.000	12.875,58	(381,08)
252	09/09/2025	66.435.448.666	5.100.000	13.026,55	150,97
253	10/09/2025	66.553.469.467	5.100.000	13.049,69	23,14
254	11/09/2025	67.231.103.279	5.100.000	13.182,56	132,87
255	12/09/2025	67.558.236.560	5.100.000	13.246,71	64,15
256	13/09/2025	67.558.236.560	5.100.000	13.246,71	-
257	14/09/2025	67.558.236.560	5.100.000	13.246,71	-
258	15/09/2025	68.117.709.347	5.100.000	13.356,41	109,70
259	16/09/2025	68.005.292.932	5.100.000	13.334,37	(22,04)
260	17/09/2025	67.582.033.725	5.100.000	13.251,37	(83,00)
261	18/09/2025	67.397.764.497	5.100.000	13.215,24	(36,13)
262	19/09/2025	67.182.409.413	5.100.000	13.173,02	(42,22)
263	20/09/2025	67.182.409.413	5.100.000	13.173,02	-
264	21/09/2025	67.182.409.413	5.100.000	13.173,02	-
265	22/09/2025	65.952.544.793	5.100.000	12.931,87	(241,15)
266	23/09/2025	65.967.892.620	5.100.000	12.934,88	3,01
267	24/09/2025	67.244.415.463	5.100.000	13.185,17	250,29
268	25/09/2025	67.514.131.222	5.100.000	13.238,06	52,89
269	26/09/2025	67.184.920.292	5.100.000	13.173,51	(64,55)
270	27/09/2025	67.184.920.292	5.100.000	13.173,51	-
271	28/09/2025	67.184.920.292	5.100.000	13.173,51	-
272	29/09/2025	67.512.870.122	5.100.000	13.237,81	64,30
273	30/09/2025	67.559.101.167	5.100.000	13.246,88	9,07
274	01/10/2025	67.883.431.392	5.100.000	13.310,47	63,59
275	02/10/2025	67.331.954.083	5.100.000	13.202,34	(108,13)
276	03/10/2025	67.057.961.193	5.100.000	13.148,61	(53,73)
277	04/10/2025	67.057.961.193	5.100.000	13.148,61	-
278	05/10/2025	67.057.961.193	5.100.000	13.148,61	-
279	06/10/2025	69.363.330.241	5.100.000	13.600,65	452,04
280	07/10/2025	68.865.044.380	5.100.000	13.502,94	(97,71)
281	08/10/2025	69.283.790.735	5.100.000	13.585,05	82,11
282	09/10/2025	69.940.611.493	5.100.000	13.713,84	128,79
283	10/10/2025	71.111.082.542	5.100.000	13.943,34	229,50
284	11/10/2025	71.111.082.542	5.100.000	13.943,34	-
285	12/10/2025	71.111.082.542	5.100.000	13.943,34	-
286	13/10/2025	72.011.068.015	5.100.000	14.119,81	176,47
287	14/10/2025	72.032.265.839	5.100.000	14.123,97	4,16
288	15/10/2025	72.108.459.411	5.100.000	14.138,91	14,94
289	16/10/2025	72.598.450.328	5.100.000	14.234,99	96,08
290	17/10/2025	70.983.121.209	5.100.000	13.918,25	(316,74)
291	18/10/2025	70.983.121.209	5.100.000	13.918,25	-
292	19/10/2025	70.983.121.209	5.100.000	13.918,25	-
293	20/10/2025	66.933.159.406	5.100.000	13.124,14	(794,11)
294	21/10/2025	66.794.411.177	5.000.000	13.358,88	234,74

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
295	22/10/2025	67.281.650.345	5.000.000	13.456,33	97,45
296	23/10/2025	67.559.534.195	5.000.000	13.511,90	55,57
297	24/10/2025	67.305.217.761	5.000.000	13.461,04	(50,86)
298	25/10/2025	67.305.217.761	5.000.000	13.461,04	-
299	26/10/2025	67.305.217.761	5.000.000	13.461,04	-
300	27/10/2025	65.940.984.548	5.000.000	13.188,19	(272,85)
301	28/10/2025	67.491.583.835	5.000.000	13.498,31	310,12
302	29/10/2025	67.694.970.058	5.000.000	13.538,99	40,68
303	30/10/2025	66.829.920.552	5.000.000	13.365,98	(173,01)
304	31/10/2025	65.474.916.548	5.000.000	13.094,98	(271,00)
305	01/11/2025	65.467.268.207	5.000.000	13.093,45	(1,53)
306	02/11/2025	65.467.268.207	5.000.000	13.093,45	-
307	03/11/2025	64.283.447.992	5.000.000	12.856,68	(236,77)
308	04/11/2025	66.019.831.584	5.000.000	13.203,96	347,28
309	05/11/2025	65.680.756.250	5.000.000	13.136,15	(67,81)
310	06/11/2025	65.063.249.867	5.000.000	13.012,64	(123,51)
311	07/11/2025	63.232.969.359	5.000.000	12.646,59	(366,05)
312	08/11/2025	63.232.969.359	5.000.000	12.646,59	-
313	09/11/2025	63.232.969.359	5.000.000	12.646,59	-
314	10/11/2025	62.497.209.956	5.000.000	12.499,44	(147,15)
315	11/11/2025	63.153.304.869	5.000.000	12.630,66	131,22
316	12/11/2025	64.855.052.508	5.000.000	12.971,01	340,35
317	13/11/2025	64.592.258.267	5.000.000	12.918,45	(52,56)
318	14/11/2025	64.830.680.864	5.000.000	12.966,13	47,68
319	15/11/2025	64.830.680.864	5.000.000	12.966,13	-
320	16/11/2025	64.830.680.864	5.000.000	12.966,13	-
321	17/11/2025	65.710.289.044	5.000.000	13.142,05	175,92
322	18/11/2025	65.942.283.660	5.000.000	13.188,45	46,40
323	19/11/2025	65.439.269.645	5.000.000	13.087,85	(100,60)
324	20/11/2025	65.738.985.003	5.000.000	13.147,79	59,94
325	21/11/2025	65.665.682.470	5.000.000	13.133,13	(14,66)
326	22/11/2025	65.665.682.470	5.000.000	13.133,13	-
327	23/11/2025	65.665.682.470	5.000.000	13.133,13	-
328	24/11/2025	66.074.410.164	5.000.000	13.214,88	81,75
329	25/11/2025	65.709.005.865	5.000.000	13.141,80	(73,08)
330	26/11/2025	66.518.667.212	5.000.000	13.303,73	161,93
331	27/11/2025	66.547.961.372	5.000.000	13.309,59	5,86
332	28/11/2025	66.663.754.322	5.000.000	13.332,75	23,16
333	29/11/2025	66.663.754.322	5.000.000	13.332,75	-
334	30/11/2025	66.663.754.322	5.000.000	13.332,75	-
335	01/12/2025	66.858.013.104	5.000.000	13.371,60	38,85
336	02/12/2025	67.312.708.911	5.000.000	13.462,54	90,94
337	03/12/2025	68.100.581.267	5.000.000	13.620,11	157,57
338	04/12/2025	68.451.203.509	5.000.000	13.690,24	70,13
339	05/12/2025	68.349.310.983	5.000.000	13.669,86	(20,38)
340	06/12/2025	68.349.310.983	5.000.000	13.669,86	-
341	07/12/2025	68.349.310.983	5.000.000	13.669,86	-
342	08/12/2025	68.529.909.393	5.000.000	13.705,98	36,12
343	09/12/2025	68.043.933.730	5.000.000	13.608,78	(97,20)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
344	10/12/2025	67.316.179.547	5.000.000	13.463,23	(145,55)
345	11/12/2025	66.706.943.673	5.000.000	13.341,38	(121,85)
346	12/12/2025	64.489.042.326	5.000.000	12.897,80	(443,58)
347	13/12/2025	64.489.042.326	5.000.000	12.897,80	-
348	14/12/2025	64.489.042.326	5.000.000	12.897,80	-
349	15/12/2025	64.406.904.151	5.000.000	12.881,38	(16,42)
350	16/12/2025	65.990.353.796	5.000.000	13.198,07	316,69
351	17/12/2025	65.625.800.634	5.000.000	13.125,16	(72,91)
352	18/12/2025	65.834.988.333	5.000.000	13.166,99	41,83
353	19/12/2025	66.863.256.295	5.000.000	13.372,65	205,66
354	20/12/2025	66.863.256.295	5.000.000	13.372,65	-
355	21/12/2025	66.863.256.295	5.000.000	13.372,65	-
356	22/12/2025	68.830.851.396	5.000.000	13.766,17	393,52
357	23/12/2025	69.625.777.880	5.000.000	13.925,15	158,98
358	24/12/2025	70.216.919.140	5.000.000	14.043,38	118,23
359	25/12/2025	68.394.832.803	5.000.000	13.678,96	(364,42)
360	26/12/2025	67.952.671.291	5.000.000	13.590,53	(88,43)
361	27/12/2025	67.952.671.291	5.000.000	13.590,53	-
362	28/12/2025	67.952.671.291	5.000.000	13.590,53	-
363	29/12/2025	68.776.436.081	5.000.000	13.755,28	164,75
364	30/12/2025	69.324.431.912	5.000.000	13.864,88	109,60
365	31/12/2025	69.938.324.844	5.000.000	13.987,66	122,78

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 58.025.256.957

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 794,11
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,62

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 14.234,99
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 8.139,04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
1	01/01/2024	46.998.254.263	5.700.000	8.245,30	
2	02/01/2024	46.957.315.112	5.700.000	8.238,12	(7,18)
3	03/01/2024	47.479.923.043	5.700.000	8.329,81	91,69
4	04/01/2024	47.847.877.142	5.700.000	8.394,36	64,55
5	07/01/2024	48.006.039.369	5.700.000	8.422,11	27,75
6	08/01/2024	48.112.121.236	5.700.000	8.440,72	18,61
7	09/01/2024	47.983.753.857	5.700.000	8.418,20	(22,52)
8	10/01/2024	47.969.375.571	5.700.000	8.415,67	(2,53)
9	11/01/2024	48.079.499.573	5.700.000	8.434,99	19,32
10	14/01/2024	47.936.196.035	5.700.000	8.409,85	(25,14)
11	15/01/2024	47.757.228.370	5.700.000	8.378,46	(31,39)
12	16/01/2024	48.212.043.949	5.700.000	8.458,25	79,79
13	17/01/2024	48.134.795.294	5.700.000	8.444,70	(13,55)
14	18/01/2024	48.437.704.174	5.700.000	8.497,84	53,14
15	21/01/2024	48.803.926.209	5.700.000	8.562,09	64,25
16	22/01/2024	48.950.267.536	5.700.000	8.587,76	25,67
17	23/01/2024	48.760.181.829	5.700.000	8.554,41	(33,35)
18	24/01/2024	48.590.865.148	5.700.000	8.524,71	(29,70)
19	25/01/2024	48.553.805.874	5.700.000	8.518,21	(6,50)
20	28/01/2024	48.749.915.370	5.700.000	8.552,61	34,40
21	29/01/2024	48.641.025.766	5.700.000	8.533,51	(19,10)
22	30/01/2024	48.831.306.047	5.700.000	8.566,89	33,38
23	31/01/2024	48.207.230.449	5.700.000	8.457,40	(109,49)
24	01/02/2024	48.498.325.989	5.700.000	8.508,47	51,07
25	04/02/2024	48.539.216.417	5.700.000	8.515,65	7,18
26	05/02/2024	49.299.817.991	5.700.000	8.649,09	133,44
27	06/02/2024	49.416.771.547	5.700.000	8.669,60	20,51
28	08/02/2024	49.904.481.455	5.700.000	8.755,17	85,57
29	14/02/2024	49.884.225.658	5.700.000	8.751,61	(3,56)
30	15/02/2024	50.138.046.590	5.700.000	8.796,14	44,53
31	18/02/2024	50.342.153.595	5.700.000	8.831,95	35,81
32	19/02/2024	50.818.091.379	5.700.000	8.915,45	83,50
33	20/02/2024	50.868.750.782	5.700.000	8.924,34	8,89
34	21/02/2024	50.909.825.312	5.700.000	8.931,54	7,20
35	22/02/2024	50.792.045.323	5.700.000	8.910,88	(20,66)
36	25/02/2024	49.989.307.232	5.700.000	8.770,05	(140,83)
37	26/02/2024	50.497.061.151	5.700.000	8.859,13	89,08
38	27/02/2024	51.092.713.583	5.700.000	8.963,63	104,50
39	28/02/2024	51.665.952.367	5.700.000	9.064,20	100,57
40	29/02/2024	51.738.878.197	5.700.000	9.076,99	12,79
41	03/03/2024	51.976.775.832	5.700.000	9.118,73	41,74
42	04/03/2024	52.106.460.117	5.700.000	9.141,48	22,75
43	05/03/2024	52.548.385.757	5.700.000	9.219,01	77,53
44	06/03/2024	52.114.070.967	5.700.000	9.142,81	(76,20)
45	07/03/2024	52.437.645.323	5.700.000	9.199,58	56,77
46	10/03/2024	51.425.414.987	5.700.000	9.022,00	(177,58)
47	11/03/2024	50.841.775.805	5.700.000	8.919,60	(102,40)
48	12/03/2024	51.103.866.976	5.700.000	8.966,59	45,99
49	13/03/2024	52.396.364.258	5.700.000	9.192,34	226,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng(Giảm) NAV/CCQ
50	14/03/2024	52.019.234.223	5.700.000	9.126,18	(66,16)
51	17/03/2024	51.890.415.256	5.700.000	9.103,58	(22,60)
52	18/03/2024	51.019.959.653	5.700.000	8.950,87	(152,71)
53	19/03/2024	50.957.296.277	5.700.000	8.939,87	(11,00)
54	20/03/2024	51.953.660.417	5.700.000	9.114,67	174,80
55	21/03/2024	52.786.483.804	5.700.000	9.260,78	146,11
56	24/03/2024	52.941.037.314	5.700.000	9.287,90	27,12
57	25/03/2024	52.335.488.444	5.700.000	9.181,66	(106,24)
58	26/03/2024	53.015.038.846	5.700.000	9.300,88	119,22
59	27/03/2024	53.113.347.974	5.700.000	9.318,13	17,25
60	28/03/2024	53.613.168.508	5.700.000	9.405,81	87,68
61	31/03/2024	53.376.308.656	5.700.000	9.364,26	(41,55)
62	01/04/2024	53.201.245.264	5.700.000	9.333,55	(30,71)
63	02/04/2024	53.332.549.619	5.700.000	9.356,58	23,03
64	03/04/2024	52.581.820.431	5.700.000	9.224,88	(131,70)
65	04/04/2024	52.291.900.696	5.700.000	9.174,01	(50,87)
66	07/04/2024	51.758.819.764	5.700.000	9.080,49	(93,52)
67	08/04/2024	51.566.603.670	5.700.000	9.046,77	(33,72)
68	09/04/2024	52.196.310.352	5.700.000	9.157,24	110,47
69	10/04/2024	52.042.466.441	5.700.000	9.130,25	(26,99)
70	11/04/2024	52.032.431.660	5.700.000	9.128,49	(1,76)
71	14/04/2024	52.915.141.307	5.700.000	9.283,35	154,86
72	15/04/2024	50.334.480.912	5.700.000	8.830,61	(452,74)
73	16/04/2024	50.401.390.470	5.700.000	8.842,34	11,73
74	18/04/2024	49.519.785.564	5.700.000	8.687,68	(154,66)
75	21/04/2024	48.719.595.510	5.700.000	8.547,29	(140,39)
76	22/04/2024	49.414.176.102	5.700.000	8.669,15	121,86
77	23/04/2024	49.040.799.520	5.700.000	8.603,64	(65,51)
78	24/04/2024	50.455.843.185	5.700.000	8.851,90	248,26
79	25/04/2024	50.452.592.653	5.700.000	8.851,33	(0,57)
80	30/04/2024	50.683.919.276	5.700.000	8.891,91	40,58
81	01/05/2024	50.680.649.485	5.700.000	8.891,34	(0,57)
82	02/05/2024	50.919.745.175	5.700.000	8.933,28	41,94
83	03/05/2024	51.187.898.269	5.700.000	8.980,33	47,05
84	05/05/2024	51.181.342.187	5.700.000	8.979,18	(1,15)
85	06/05/2024	52.007.061.452	5.700.000	9.124,04	144,86
86	07/05/2024	52.368.221.696	5.700.000	9.187,40	63,36
87	08/05/2024	52.420.305.886	5.700.000	9.196,54	9,14
88	09/05/2024	52.239.698.487	5.700.000	9.164,85	(31,69)
89	12/05/2024	52.140.397.173	5.700.000	9.147,43	(17,42)
90	13/05/2024	51.962.109.124	5.700.000	9.116,15	(31,28)
91	14/05/2024	52.121.341.215	5.700.000	9.144,09	27,94
92	15/05/2024	52.644.948.172	5.700.000	9.235,95	91,86
93	16/05/2024	53.420.546.914	5.700.000	9.372,02	136,07
94	19/05/2024	53.692.655.707	5.700.000	9.419,76	47,74
95	20/05/2024	53.804.969.597	5.700.000	9.439,46	19,70
96	21/05/2024	53.824.671.964	5.700.000	9.442,92	3,46
97	22/05/2024	53.421.791.436	5.700.000	9.372,24	(70,68)
98	23/05/2024	53.997.677.417	5.700.000	9.473,27	101,03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):
 Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
99	26/05/2024	53.024.420.626	5.700.000	9.302,52	(170,75)
100	27/05/2024	53.160.689.635	5.700.000	9.326,43	23,91
101	28/05/2024	53.837.090.499	5.700.000	9.445,10	118,67
102	29/05/2024	53.399.904.702	5.700.000	9.368,40	(76,70)
103	30/05/2024	53.218.512.506	5.700.000	9.336,58	(31,82)
104	31/05/2024	53.242.378.663	5.700.000	9.340,76	4,18
105	02/06/2024	53.235.640.171	5.700.000	9.339,58	(1,18)
106	03/06/2024	54.086.276.570	5.700.000	9.488,82	149,24
107	04/06/2024	54.155.528.733	5.700.000	9.500,96	12,14
108	05/06/2024	54.046.567.133	5.700.000	9.481,85	(19,11)
109	06/06/2024	54.090.740.409	5.700.000	9.489,60	7,75
110	09/06/2024	54.304.525.722	5.700.000	9.527,10	37,50
111	10/06/2024	54.445.574.621	5.700.000	9.551,85	24,75
112	11/06/2024	54.264.698.895	5.700.000	9.520,12	(31,73)
113	12/06/2024	55.175.714.834	5.700.000	9.679,94	159,82
114	13/06/2024	55.310.540.513	5.700.000	9.703,60	23,66
115	16/06/2024	54.478.183.085	5.700.000	9.557,57	(146,03)
116	17/06/2024	54.247.175.946	5.700.000	9.517,04	(40,53)
117	18/06/2024	54.307.981.560	5.700.000	9.527,71	10,67
118	19/06/2024	54.395.635.887	5.700.000	9.543,09	15,38
119	20/06/2024	54.621.992.703	5.700.000	9.582,80	39,71
120	23/06/2024	54.601.496.061	5.700.000	9.579,20	(3,60)
121	24/06/2024	53.345.991.646	5.700.000	9.358,94	(220,26)
122	25/06/2024	53.422.441.127	5.700.000	9.372,35	13,41
123	26/06/2024	53.522.376.057	5.700.000	9.389,89	17,54
124	27/06/2024	53.440.463.693	5.700.000	9.375,51	(14,38)
125	30/06/2024	52.941.027.892	5.700.000	9.287,89	(87,62)
126	01/07/2024	53.194.724.536	5.700.000	9.332,40	44,51
127	02/07/2024	53.768.640.383	5.700.000	9.433,09	100,69
128	03/07/2024	54.138.252.720	5.700.000	9.497,93	64,84
129	04/07/2024	54.369.226.971	5.700.000	9.538,46	40,53
130	07/07/2024	54.592.520.790	5.700.000	9.577,63	39,17
131	08/07/2024	54.588.906.540	5.700.000	9.577,00	(0,63)
132	09/07/2024	54.910.338.220	5.700.000	9.633,39	56,39
133	10/07/2024	54.478.184.086	5.700.000	9.557,57	(75,82)
134	11/07/2024	54.346.287.913	5.700.000	9.534,43	(23,14)
135	14/07/2024	54.205.779.703	5.700.000	9.509,78	(24,65)
136	15/07/2024	54.091.148.383	5.700.000	9.489,67	(20,11)
137	16/07/2024	54.210.000.594	5.700.000	9.510,52	20,85
138	17/07/2024	53.985.434.687	5.700.000	9.471,12	(39,40)
139	18/07/2024	54.167.847.539	5.700.000	9.503,13	32,01
140	21/07/2024	53.916.165.273	5.700.000	9.458,97	(44,16)
141	22/07/2024	52.665.559.189	5.600.000	9.404,56	(54,41)
142	23/07/2024	51.764.744.387	5.600.000	9.243,70	(160,86)
143	24/07/2024	51.953.371.043	5.600.000	9.277,38	33,68
144	25/07/2024	51.629.487.708	5.600.000	9.219,55	(57,83)
145	28/07/2024	51.954.461.864	5.600.000	9.277,58	58,03
146	29/07/2024	52.113.324.548	5.600.000	9.305,95	28,37
147	30/07/2024	52.046.702.424	5.600.000	9.294,05	(11,90)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
148	31/07/2024	52.360.163.205	5.600.000	9.350,02	55,97
149	01/08/2024	51.191.814.145	5.600.000	9.141,39	(208,63)
150	04/08/2024	51.597.492.317	5.600.000	9.213,83	72,44
151	05/08/2024	49.450.283.858	5.600.000	8.830,40	(383,43)
152	06/08/2024	50.414.454.892	5.600.000	9.002,58	172,18
153	07/08/2024	50.491.760.759	5.600.000	9.016,38	13,80
154	08/08/2024	50.111.181.065	5.600.000	8.948,42	(67,96)
155	11/08/2024	50.953.506.925	5.600.000	9.098,84	150,42
156	12/08/2024	51.293.979.191	5.600.000	9.159,63	60,79
157	13/08/2024	51.175.421.800	5.600.000	9.138,46	(21,17)
158	14/08/2024	51.139.209.903	5.600.000	9.132,00	(6,46)
159	15/08/2024	50.938.434.547	5.600.000	9.096,14	(35,86)
160	18/08/2024	52.228.415.589	5.600.000	9.326,50	230,36
161	19/08/2024	52.629.010.369	5.600.000	9.398,03	71,53
162	20/08/2024	52.983.932.030	5.600.000	9.461,41	63,38
163	21/08/2024	53.446.175.413	5.600.000	9.543,95	82,54
164	22/08/2024	53.458.159.350	5.600.000	9.546,09	2,14
165	25/08/2024	53.529.450.753	5.600.000	9.558,83	12,74
166	26/08/2024	52.401.835.266	5.500.000	9.527,60	(31,23)
167	27/08/2024	52.435.176.323	5.500.000	9.533,66	6,06
168	28/08/2024	52.493.457.925	5.500.000	9.544,26	10,60
169	29/08/2024	51.554.167.583	5.400.000	9.547,06	2,80
170	31/08/2024	51.716.093.086	5.400.000	9.577,05	29,99
171	03/09/2024	51.706.101.430	5.400.000	9.575,20	(1,85)
172	04/09/2024	51.216.464.337	5.400.000	9.484,53	(90,67)
173	05/09/2024	50.856.036.702	5.400.000	9.417,78	(66,75)
174	08/09/2024	51.044.407.440	5.400.000	9.452,66	34,88
175	09/09/2024	50.773.729.405	5.400.000	9.402,54	(50,12)
176	10/09/2024	50.297.915.375	5.400.000	9.314,42	(88,12)
177	11/09/2024	50.222.015.284	5.400.000	9.300,37	(14,05)
178	12/09/2024	50.312.388.562	5.400.000	9.317,10	16,73
179	15/09/2024	50.257.927.731	5.400.000	9.307,02	(10,08)
180	16/09/2024	49.734.142.188	5.400.000	9.210,02	(97,00)
181	17/09/2024	50.578.556.952	5.400.000	9.366,39	156,37
182	18/09/2024	50.820.011.058	5.400.000	9.411,11	44,72
183	19/09/2024	51.101.852.294	5.400.000	9.463,30	52,19
184	22/09/2024	51.354.158.348	5.400.000	9.510,02	46,72
185	23/09/2024	51.198.125.105	5.400.000	9.481,13	(28,89)
186	24/09/2024	51.637.021.717	5.400.000	9.562,41	81,28
187	25/09/2024	52.164.819.077	5.400.000	9.660,15	97,74
188	26/09/2024	52.425.478.128	5.400.000	9.708,42	48,27
189	29/09/2024	52.478.666.625	5.400.000	9.718,27	9,85
190	30/09/2024	52.510.997.134	5.400.000	9.724,25	5,98
191	01/10/2024	52.707.592.275	5.400.000	9.760,66	36,41
192	02/10/2024	52.481.330.976	5.400.000	9.718,76	(41,90)
193	03/10/2024	52.094.997.260	5.400.000	9.647,22	(71,54)
194	06/10/2024	51.747.313.964	5.400.000	9.582,83	(64,39)
195	07/10/2024	51.796.465.042	5.400.000	9.591,93	9,10
196	08/10/2024	51.962.475.098	5.400.000	9.622,68	30,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
197	09/10/2024	52.434.645.114	5.400.000	9.710,11	87,43
198	10/10/2024	52.630.697.640	5.400.000	9.746,42	36,31
199	13/10/2024	52.670.764.226	5.400.000	9.753,84	7,42
200	14/10/2024	52.415.623.054	5.400.000	9.706,59	(47,25)
201	15/10/2024	52.184.991.013	5.400.000	9.663,88	(42,71)
202	16/10/2024	52.038.581.872	5.400.000	9.636,77	(27,11)
203	17/10/2024	52.450.455.379	5.400.000	9.713,04	76,27
204	20/10/2024	52.401.066.279	5.400.000	9.703,90	(9,14)
205	21/10/2024	52.207.938.211	5.400.000	9.668,13	(35,77)
206	22/10/2024	51.874.175.415	5.400.000	9.606,32	(61,81)
207	23/10/2024	51.016.257.514	5.300.000	9.625,70	19,38
208	24/10/2024	50.340.267.964	5.300.000	9.498,16	(127,54)
209	27/10/2024	50.167.540.115	5.300.000	9.465,57	(32,59)
210	28/10/2024	50.276.803.434	5.300.000	9.486,18	20,61
211	29/10/2024	50.563.647.469	5.300.000	9.540,31	54,13
212	30/10/2024	50.492.476.124	5.300.000	9.526,88	(13,43)
213	31/10/2024	50.651.235.121	5.300.000	9.556,83	29,95
214	03/11/2024	50.140.445.225	5.300.000	9.460,46	(96,37)
215	04/11/2024	49.659.160.462	5.300.000	9.369,65	(90,81)
216	05/11/2024	49.704.200.360	5.300.000	9.378,15	8,50
217	06/11/2024	50.337.975.418	5.300.000	9.497,73	119,58
218	07/11/2024	50.254.170.150	5.300.000	9.481,91	(15,82)
219	10/11/2024	49.917.217.480	5.300.000	9.418,34	(63,57)
220	11/11/2024	49.691.840.331	5.300.000	9.375,81	(42,53)
221	12/11/2024	49.424.860.009	5.300.000	9.325,44	(50,37)
222	13/11/2024	49.490.833.605	5.300.000	9.337,89	12,45
223	14/11/2024	48.813.805.650	5.300.000	9.210,15	(127,74)
224	17/11/2024	48.197.940.135	5.300.000	9.093,95	(116,20)
225	18/11/2024	48.174.606.509	5.300.000	9.089,54	(4,41)
226	19/11/2024	47.676.073.966	5.300.000	8.995,48	(94,06)
227	20/11/2024	48.198.412.300	5.300.000	9.094,04	98,56
228	21/11/2024	48.728.430.995	5.300.000	9.194,04	100,00
229	24/11/2024	48.646.718.708	5.300.000	9.178,62	(15,42)
230	25/11/2024	48.885.006.236	5.300.000	9.223,58	44,96
231	26/11/2024	49.176.568.311	5.300.000	9.278,59	55,01
232	27/11/2024	49.256.067.406	5.300.000	9.293,59	15,00
233	28/11/2024	49.262.980.687	5.300.000	9.294,90	1,31
234	30/11/2024	49.591.379.280	5.300.000	9.356,86	61,96
235	01/12/2024	49.588.141.061	5.300.000	9.356,25	(0,61)
236	02/12/2024	49.599.192.560	5.300.000	9.358,33	2,08
237	03/12/2024	49.616.567.275	5.300.000	9.361,61	3,28
238	04/12/2024	49.154.233.569	5.300.000	9.274,38	(87,23)
239	05/12/2024	50.609.564.005	5.300.000	9.548,97	274,59
240	08/12/2024	50.648.805.986	5.300.000	9.556,37	7,40
241	09/12/2024	50.680.164.064	5.300.000	9.562,29	5,92
242	10/12/2024	50.651.985.085	5.300.000	9.556,97	(5,32)
243	11/12/2024	50.620.692.738	5.300.000	9.551,07	(5,90)
244	12/12/2024	50.577.591.398	5.300.000	9.542,94	(8,13)
245	15/12/2024	50.379.473.176	5.300.000	9.505,56	(37,38)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ
246	16/12/2024	50.420.964.354	5.300.000	9.513,38	7,82
247	17/12/2024	50.289.629.935	5.300.000	9.488,60	(24,78)
248	18/12/2024	50.442.800.505	5.300.000	9.517,50	28,90
249	19/12/2024	49.888.135.004	5.300.000	9.412,85	(104,65)
250	22/12/2024	49.942.037.064	5.300.000	9.423,02	10,17
251	23/12/2024	50.160.152.733	5.300.000	9.464,17	41,15
252	24/12/2024	50.127.164.903	5.300.000	9.457,95	(6,22)
253	25/12/2024	50.784.741.163	5.300.000	9.582,02	124,07
254	26/12/2024	50.720.563.155	5.300.000	9.569,91	(12,11)
255	29/12/2024	50.938.618.521	5.300.000	9.611,06	41,15
256	30/12/2024	50.954.338.852	5.300.000	9.614,02	2,96
257	31/12/2024	50.832.994.056	5.300.000	9.591,13	(22,89)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 51.369.299.901

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 452,74
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,57

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 9.760,66
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 8.238,12

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	5.000.000	5.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT

20.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				Đơn vị tính: VND
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý Quỹ (*)	(76.099.375)	(348.181.807)	389.902.008	(34.379.174)	(348.181.807)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(16.200.000)	(96.700.000)	88.600.000	(24.300.000)	(96.700.000)

(*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,6% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Trụ sở chính

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>			<i>Đơn vị tính: VND</i>	<i>Doanh thu/ (Chi phí)</i>
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	165.272.880	12.627.801.869	(11.743.765.173)	1.049.309.576	-
		Lãi từ tiền gửi thanh toán	-	1.366.297	(1.366.297)	-	1.366.297
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	(20.100.000)	(248.524.819)	248.523.239	(20.101.580)	(248.524.819)
		Trong đó:					
		- Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(20.000.000)	(241.870.964)	241.870.964	(20.000.000)	(241.870.964)
		- Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	(100.000)	(6.653.855)	6.652.275	(101.580)	(6.653.855)
		Giá dịch vụ giám sát Quỹ	(5.500.000)	(66.000.000)	66.000.000	(5.500.000)	(66.000.000)
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	(16.500.000)	(198.000.000)	198.000.000	(16.500.000)	(198.000.000)		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 68.804.278.900 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm (6.880.427.890) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 6.880.427.890 đồng Việt Nam.

CÔNG TY QUẢN LÝ
 QUỸ
 CHỨNG KHOÁN
 VIỆT NAM
 HOẠT ĐỘNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là cổ tức tại thời điểm cuối năm có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Đơn vị tính: VND	
	Dưới 3 tháng	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	178.389.312	178.389.312
Chi phí phải trả	89.100.000	89.100.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.700.000	2.700.000
Phải trả mua các khoản đầu tư	406.320	406.320
Phải trả, phải nộp khác	200.000	200.000
Tổng cộng	270.795.632	270.795.632
	Đơn vị tính: VND	
	Dưới 3 tháng	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	221.197.985	221.197.985
Chi phí phải trả	83.200.000	83.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	1.800.000	1.800.000
Phải trả mua các khoản đầu tư	203.439	203.439
Phải trả, phải nộp khác	200.000	200.000
Tổng cộng	306.601.424	306.601.424

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không phát sinh nợ và vay nên không có tài sản đảm bảo cho các khoản nợ và vay.

Quỹ không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động trong năm/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (*)	2,37%	2,42%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	18,91%	5,30%

(*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 Kiểm Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn